

**Phụ lục I<sup>1</sup>**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÂN BỐ HẠN NGẠCH PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH,**  
**PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH HẠN NGẠCH PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH**  
*(Kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP*  
*ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

---

|                   |                                                                                                               |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mẫu số 01         | Mẫu quyết định về việc phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính                                               |
| Phương pháp số 01 | Phương pháp xác định hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho cơ sở phát thải khí nhà kính được phân bổ hạn ngạch |

---

<sup>1</sup> Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được thay thế bởi Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm a khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:        /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính giai đoạn (\*)**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 20... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 20... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính của Việt Nam giai đoạn (\*);*

*Căn cứ Công văn số.../BCT-... ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ Công Thương về việc đề nghị phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính của các cơ sở thuộc ngành công thương;*

*Căn cứ Công văn số .../BXD-... ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ Xây dựng về việc đề nghị phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính của các cơ sở thuộc ngành xây dựng, giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính giai đoạn (\*) cho các cơ sở sau:

| <b>TT</b> | <b>Tên cơ sở</b> | <b>Thông tin liên hệ</b><br>(Địa chỉ, họ tên người đại diện,<br>mã số thuế doanh nghiệp) | <b>Hạn ngạch phát thải</b><br>(tấn CO <sub>2</sub> tương đương) |
|-----------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1         |                  |                                                                                          |                                                                 |
| 2         |                  |                                                                                          |                                                                 |
| 3         |                  |                                                                                          |                                                                 |
| ...       |                  |                                                                                          |                                                                 |

**Điều 2.** Cục Biến đổi khí hậu có trách nhiệm thông báo và phối hợp với cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo dõi việc tuân thủ hạn ngạch được cấp của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cơ sở có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công Thương, Xây dựng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT, VP(TH), BĐKH.

**BỘ TRƯỞNG**

***Ghi chú:***

(\*): 2025 - 2026; 2027 - 2028; 2029 - 2030.

## PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH HẠN NGẠCH PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CHO CƠ SỞ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH ĐƯỢC PHÂN BỐ HẠN NGẠCH

Các cơ sở phát thải khí nhà kính được phân bổ hạn ngạch quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định này, cụ thể:

- Nhà máy nhiệt điện: các nhà máy nhiệt điện than, dầu và khí;
- Cơ sở sản xuất sắt thép: các cơ sở sản xuất thép thô;
- Cơ sở sản xuất xi măng: các cơ sở sản xuất clinker.

Lượng phát thải khí nhà kính trung bình trên một đơn vị sản phẩm được xác định trên cơ sở lượng phát thải khí nhà kính trên đơn vị tính sản phẩm, bao gồm kWh điện đối với nhà máy nhiệt điện; tấn thép thô đối với cơ sở sản xuất sắt thép; tấn clinker đối với cơ sở sản xuất xi măng.

Hạn ngạch phát thải khí nhà kính phân bổ cho cơ sở được tính theo công thức sau:

$$A_{a,y} = P_{a,(y-1;y-2;y-3)} \times B \times T$$

Trong đó:

$A_{a,y}$ : Hạn ngạch phát thải khí nhà kính phân bổ cho cơ sở a trong năm y (tCO<sub>2</sub>đ).

$P_{a,(y-1;y-2;y-3)}$ : Sản lượng trung bình của cơ sở a sản xuất trong năm y-1, y-2, y-3 (đơn vị tính sản phẩm, như: kWh điện đối với nhà máy nhiệt điện; tấn thép thô đối với cơ sở sản xuất sắt thép; tấn clinker đối với cơ sở sản xuất xi măng...).

$B$ : Lượng phát thải khí nhà kính trung bình trên một đơn vị sản phẩm của các cơ sở thuộc lĩnh vực (cơ sở 1 đến cơ sở n) được phân bổ hạn ngạch (tCO<sub>2</sub>đ/một đơn vị sản phẩm), được tính theo công thức như sau:

$$B = \left( \sum_{1}^n E_{(y-1;y-2;y-3)} \right) / \left( \sum_{1}^n P_{(y-1;y-2;y-3)} \right)$$

Trong đó:

$E_{(y-1;y-2;y-3)}$ : Phát thải trung bình của cơ sở a trong năm y-1, y-2, y-3 (tấn CO<sub>2</sub>đ) được xác định trên cơ sở hướng dẫn của bộ quản lý lĩnh vực.

$T$ : Hệ số điều chỉnh hạn ngạch của các cơ sở thuộc lĩnh vực được xác định trên cơ sở lộ trình giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở, trình độ công nghệ, năng lực tài chính, các hoạt động giảm phát thải đã thực hiện, phù hợp với mục tiêu giảm phát thải của lĩnh vực bao gồm trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định. Các bộ quản lý lĩnh vực xác định hệ số điều chỉnh hạn ngạch cho cơ sở được phân bổ hạn ngạch. Hệ số  $T$  được xác định theo công thức sau:

$$T = (1 + g) \times (1 - r)$$

Trong đó:

$g$ : Mục tiêu tăng trưởng của lĩnh vực trong giai đoạn phân bổ hạn ngạch.

$r$ : Mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của lĩnh vực có xét đến lộ trình giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở, trình độ công nghệ, năng lực tài chính, các hoạt động giảm phát thải cơ sở đã thực hiện trong giai đoạn phân bổ hạn ngạch.

**Phụ lục II<sup>2</sup>**  
**MẪU BÁO CÁO PHỤC VỤ KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH CẤP QUỐC GIA**  
*(Kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP*  
*ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

|                        |                                                                                        |
|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| Mẫu số 01              | Mẫu báo cáo phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia của Bộ Công Thương               |
| Mẫu số 02 <sup>3</sup> | (Bị bãi bỏ)                                                                            |
| Mẫu số 03 <sup>4</sup> | Mẫu báo cáo phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| Mẫu số 04 <sup>5</sup> | (Bị bãi bỏ)                                                                            |
| Mẫu số 05 <sup>6</sup> | Mẫu báo cáo phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia của Bộ Xây dựng                  |
| Mẫu số 06              | Mẫu báo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở                                         |

<sup>2</sup> Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi bởi Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm b khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>3</sup> Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 bị bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>4</sup> Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi bởi Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm b khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>5</sup> Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 bị bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>6</sup> Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi bởi Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm b khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

**BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO****Phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia của Bộ Công Thương năm ...****I. Mô tả chung**

1. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính
2. Phương pháp luận kiểm kê khí nhà kính
3. Số liệu hoạt động và hệ số phát thải
4. Kết quả đánh giá độ không chắc chắn
5. Kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng (QA/QC)

**II. Hoạt động kiểm kê khí nhà kính năm ...**

(Trình bày chi tiết về phương pháp luận, số liệu hoạt động, hệ số phát thải và kết quả tính toán phát thải đối với từng hoạt động trong các lĩnh vực)

1. Kiểm kê khí nhà kính cho lĩnh vực năng lượng
  - a) Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động đốt nhiên liệu
  - b) Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động phát tán từ nhiên liệu
2. Kiểm kê khí nhà kính cho lĩnh vực các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm (IPPU)
  - a) Phát thải khí nhà kính từ công nghiệp hóa chất
  - b) Phát thải khí nhà kính từ công nghiệp luyện kim
  - c) Phát thải khí nhà kính từ sử dụng các sản phẩm thay thế cho các chất làm suy giảm tầng ô-dôn

**III. Tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính**

| STT        | Nguồn phát thải                                              | CO <sub>2</sub> | CH <sub>4</sub> | N <sub>2</sub> O | HFCs | Tổng |
|------------|--------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------|------|------|
| <b>I</b>   | <b>NĂNG LƯỢNG</b>                                            |                 |                 |                  |      |      |
| <b>I.1</b> | <b>Các hoạt động đốt nhiên liệu</b>                          |                 |                 |                  |      |      |
| 1          | Công nghiệp năng lượng                                       |                 |                 |                  |      |      |
| a          | Sản xuất điện và nhiệt                                       |                 |                 |                  |      |      |
| b          | Sản xuất điện                                                |                 |                 |                  |      |      |
| c          | Lọc hóa dầu                                                  |                 |                 |                  |      |      |
| d          | Sản xuất nhiên liệu rắn và ngành công nghiệp năng lượng khác |                 |                 |                  |      |      |
| đ          | Sản xuất nhiên liệu rắn                                      |                 |                 |                  |      |      |
| e          | Chế biến khí                                                 |                 |                 |                  |      |      |

| STT         | Nguồn phát thải                                                       | CO <sub>2</sub> | CH <sub>4</sub> | N <sub>2</sub> O | HFCs | Tổng |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------|------|------|
| 2           | Công nghiệp sản xuất                                                  |                 |                 |                  |      |      |
| a           | Sắt và thép                                                           |                 |                 |                  |      |      |
| b           | Hóa chất và hóa dầu                                                   |                 |                 |                  |      |      |
| c           | Giấy, bột giấy và in ấn                                               |                 |                 |                  |      |      |
| d           | Thực phẩm, đồ uống, thuốc lá                                          |                 |                 |                  |      |      |
| đ           | Khoáng phi kim                                                        |                 |                 |                  |      |      |
| e           | Thiết bị vận tải                                                      |                 |                 |                  |      |      |
| g           | Thiết bị, máy móc                                                     |                 |                 |                  |      |      |
| h           | Khai khoáng                                                           |                 |                 |                  |      |      |
| i           | Gỗ và các sản phẩm từ gỗ                                              |                 |                 |                  |      |      |
| k           | Dệt may và đồ da                                                      |                 |                 |                  |      |      |
| l           | Công nghiệp không xác định                                            |                 |                 |                  |      |      |
| 3           | Lĩnh vực khác                                                         |                 |                 |                  |      |      |
| a           | Thương mại và Dịch vụ                                                 |                 |                 |                  |      |      |
| b           | Dân dụng                                                              |                 |                 |                  |      |      |
| <b>I.2</b>  | <b>Phát tán từ nhiên liệu</b>                                         |                 |                 |                  |      |      |
| 1           | Khai thác than                                                        |                 |                 |                  |      |      |
| a           | Khai thác than hầm lò                                                 |                 |                 |                  |      |      |
| b           | Khai thác than lộ thiên                                               |                 |                 |                  |      |      |
| 2           | Khai thác dầu và khí tự nhiên                                         |                 |                 |                  |      |      |
| a           | Dầu                                                                   |                 |                 |                  |      |      |
| b           | Khí tự nhiên                                                          |                 |                 |                  |      |      |
| <b>II</b>   | <b>IPPU</b>                                                           |                 |                 |                  |      |      |
| <b>II.1</b> | <b>Công nghiệp hóa chất</b>                                           |                 |                 |                  |      |      |
| 1           | Quá trình sản xuất Amoniac                                            |                 |                 |                  |      |      |
| 2           | Quá trình sản xuất axit Nitric                                        |                 |                 |                  |      |      |
| <b>II.2</b> | <b>Luyện kim</b>                                                      |                 |                 |                  |      |      |
| 1           | Quá trình sản xuất sắt thép                                           |                 |                 |                  |      |      |
| <b>II.3</b> | <b>Sử dụng sản phẩm thay thế cho các chất làm suy giảm tầng ô-dôn</b> |                 |                 |                  |      |      |
| 1           | Quá trình sử dụng chất chữa cháy                                      |                 |                 |                  |      |      |

Đơn vị: nghìn tấn CO<sub>2</sub>tđ

#### IV. Các cải thiện được thực hiện đối với quá trình kiểm kê khí nhà kính năm ...

Trình bày những cải thiện đã được thực hiện trong quá trình kiểm kê khí nhà kính năm ... so với các năm trước đây (về phương pháp luận, thu thập số liệu hoạt động, hệ số phát thải)

#### V. Kết luận và kiến nghị

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO**  
**Phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia của**  
**Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm ...**

**I. Mô tả chung**

1. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính
2. Phương pháp luận kiểm kê khí nhà kính
3. Số liệu hoạt động và hệ số phát thải
4. Kết quả đánh giá độ không chắc chắn
5. Kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng (QA/QC)

**II. Hoạt động kiểm kê khí nhà kính năm ...**

*(Trình bày chi tiết về phương pháp luận, số liệu hoạt động, hệ số phát thải và kết quả tính toán phát thải đối với từng hoạt động trong các lĩnh vực)*

**II.1. Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất**

1. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động chăn nuôi
2. Phát thải khí nhà kính từ sử dụng đất
3. Phát thải khí nhà kính từ các nguồn phát thải khác và phát thải ngoài CO<sub>2</sub>
4. Các hoạt động tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

**II.2. Lĩnh vực quản lý chất thải**

1. Phát thải khí nhà kính từ các bãi chôn lấp chất thải rắn
2. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động xử lý chất thải rắn bằng phương pháp sinh học
3. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động thiêu đốt và đốt lộ thiên chất thải
4. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động xử lý và xả nước thải

### III. Tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính

#### III.1. Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất

Đơn vị: nghìn tấn CO<sub>2</sub>tđ

| STT        | Nguồn phát thải/hấp thụ                                              | CO <sub>2</sub> | CH <sub>4</sub> | N <sub>2</sub> O | Tổng |
|------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------|------|
| <b>I</b>   | <b>AFOLU</b>                                                         |                 |                 |                  |      |
| <b>I.1</b> | <b>Chăn nuôi</b>                                                     |                 |                 |                  |      |
| 1          | Tiêu hóa thức ăn                                                     |                 |                 |                  |      |
| 2          | Quản lý chất thải vật nuôi                                           |                 |                 |                  |      |
| <b>I.2</b> | <b>Đất</b>                                                           |                 |                 |                  |      |
| 1          | Đất rừng                                                             |                 |                 |                  |      |
| 2          | Đất trồng trọt                                                       |                 |                 |                  |      |
| 3          | Đất cỏ                                                               |                 |                 |                  |      |
| 4          | Đất ngập nước                                                        |                 |                 |                  |      |
| 5          | Đất ở                                                                |                 |                 |                  |      |
| 6          | Đất khác                                                             |                 |                 |                  |      |
| <b>I.3</b> | <b>Các nguồn phát thải khác và phát thải ngoài CO<sub>2</sub></b>    |                 |                 |                  |      |
| 1          | Đốt sinh khối                                                        |                 |                 |                  |      |
| 2          | Sử dụng vôi trong canh tác                                           |                 |                 |                  |      |
| 3          | Bón phân Ure                                                         |                 |                 |                  |      |
| 4          | Phát thải N <sub>2</sub> O trực tiếp của đất                         |                 |                 |                  |      |
| 5          | Phát thải N <sub>2</sub> O gián tiếp của đất                         |                 |                 |                  |      |
| 6          | Phát thải N <sub>2</sub> O gián tiếp của quản lý chất thải vật nuôi  |                 |                 |                  |      |
| 7          | Canh tác lúa                                                         |                 |                 |                  |      |
| <b>II</b>  | <b>Tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản</b> |                 |                 |                  |      |
| 1          | Tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp                                |                 |                 |                  |      |
| 2          | Tiêu thụ năng lượng trong lâm nghiệp                                 |                 |                 |                  |      |
| 3          | Tiêu thụ năng lượng trong thủy sản                                   |                 |                 |                  |      |

### III.2. Lĩnh vực quản lý chất thải

Đơn vị: nghìn tấn CO<sub>2</sub>tđ

| STT        | Nguồn phát thải                                                   | CO <sub>2</sub> | CH <sub>4</sub> | N <sub>2</sub> O | Tổng |
|------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------|------|
| <b>I</b>   | <b>CHẤT THẢI</b>                                                  |                 |                 |                  |      |
| <b>I.1</b> | <b>Phát thải từ bãi chôn lấp chất thải rắn</b>                    |                 |                 |                  |      |
| 1          | Phát thải từ bãi chôn lấp chất thải rắn được quản lý              |                 |                 |                  |      |
| 2          | Phát thải từ bãi chôn lấp chất thải rắn không được quản lý        |                 |                 |                  |      |
| 3          | Phát thải từ bãi chôn lấp chất thải rắn không được phân loại      |                 |                 |                  |      |
| <b>I.2</b> | <b>Phát thải từ xử lý chất thải rắn bằng phương pháp sinh học</b> |                 |                 |                  |      |
| <b>I.3</b> | <b>Phát thải từ thiêu đốt và đốt lộ thiên chất thải</b>           |                 |                 |                  |      |
| 1          | Thiêu đốt chất thải                                               |                 |                 |                  |      |
| 2          | Đốt lộ thiên chất thải                                            |                 |                 |                  |      |
| <b>I.4</b> | <b>Xử lý và xả thải nước thải</b>                                 |                 |                 |                  |      |
| 1          | Xử lý và xả thải nước thải sinh hoạt                              |                 |                 |                  |      |
| 2          | Xử lý và xả thải nước thải công nghiệp                            |                 |                 |                  |      |

### IV. Các cải thiện được thực hiện đối với quá trình kiểm kê khí nhà kính năm ...

Trình bày những cải thiện đã được thực hiện trong quá trình kiểm kê khí nhà kính năm ... so với các năm trước đây (về phương pháp luận, thu thập số liệu hoạt động, hệ số phát thải).

### V. Kết luận và kiến nghị

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

**BỘ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO****Phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia của Bộ Xây dựng năm ...****I. Mô tả chung**

1. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính
2. Phương pháp luận kiểm kê khí nhà kính
3. Số liệu hoạt động và hệ số phát thải
4. Kết quả đánh giá độ không chắc chắn
5. Kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng (QA/QC)

**II. Hoạt động kiểm kê khí nhà kính năm ...**

*(Trình bày chi tiết về phương pháp luận, số liệu hoạt động, hệ số phát thải và kết quả tính toán phát thải đối với từng hoạt động trong các lĩnh vực)*

**II.1. Lĩnh vực giao thông vận tải**

1. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động vận tải hàng không
2. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động vận tải đường bộ
3. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động vận tải đường sắt
4. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động vận tải đường thủy

**II.2. Lĩnh vực xây dựng**

1. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động trong quá trình sản xuất xi măng
2. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động trong quá trình sản xuất vôi
3. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động trong quá trình sản xuất thủy tinh, kính xây dựng
4. Phát thải khí nhà kính từ tiêu thụ năng lượng trong xây dựng

**III. Tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính**

### III.1. Lĩnh vực giao thông vận tải

Đơn vị: nghìn tấn CO<sub>2</sub>tđ

| STT | Nguồn phát thải                          | CO <sub>2</sub> | CH <sub>4</sub> | N <sub>2</sub> O | Tổng |
|-----|------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------|------|
|     | <b>Các hoạt động tiêu thụ năng lượng</b> |                 |                 |                  |      |
| 1   | Hàng không                               |                 |                 |                  |      |
| 2   | Đường bộ                                 |                 |                 |                  |      |
| 3   | Đường sắt                                |                 |                 |                  |      |
| 4   | Đường thủy                               |                 |                 |                  |      |

### III.2. Lĩnh vực xây dựng

Đơn vị: nghìn tấn CO<sub>2</sub>tđ

| STT       | Nguồn phát thải                                                   | CO <sub>2</sub> | CH <sub>4</sub> | N <sub>2</sub> O | HFCs | Tổng |
|-----------|-------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------|------|------|
| <b>I</b>  | <b>Các quá trình công nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng</b> |                 |                 |                  |      |      |
| 1         | Quá trình sản xuất xi măng                                        |                 |                 |                  |      |      |
| 2         | Quá trình sản xuất vôi                                            |                 |                 |                  |      |      |
| 3         | Quá trình sản xuất thủy tinh, kính xây dựng                       |                 |                 |                  |      |      |
| <b>II</b> | <b>Tiêu thụ năng lượng trong xây dựng</b>                         |                 |                 |                  |      |      |

### IV. Các cải thiện được thực hiện đối với quá trình kiểm kê khí nhà kính năm ...

Trình bày những cải thiện đã được thực hiện trong quá trình kiểm kê khí nhà kính năm ... so với các năm trước đây (về phương pháp luận, thu thập số liệu hoạt động, hệ số phát thải)

### V. Kết luận và kiến nghị

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

**TÊN CƠ SỞ PHẢI THỰC HIỆN  
KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **BÁO CÁO**

**Kết quả kiểm kê khí nhà kính cho năm...**

### **I. Thông tin của cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính**

1. Tên cơ sở, địa chỉ, giấy phép kinh doanh ...
2. Thông tin về người đại diện của cơ sở trước pháp luật.
3. Thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, sản xuất.

### **II. Thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh và số liệu hoạt động của cơ sở**

1. Ranh giới và phạm vi hoạt động của cơ sở.
2. Cơ sở hạ tầng, công nghệ và hoạt động của cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.
3. Các nguồn phát thải, bể hấp thụ khí nhà kính trong phạm vi hoạt động của cơ sở.
4. Hệ thống thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính của cơ sở, xác định nguyên nhân các hạn chế trong kiểm kê khí nhà kính của cơ sở.

### **III. Kết quả thực hiện kiểm kê phát thải khí nhà kính**

1. Mô tả phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính (phương pháp thu thập số liệu, hệ số phát thải).
2. Số liệu hoạt động liên quan đến phát thải khí nhà kính của cơ sở.
3. Kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở.
4. Độ tin cậy, tính đầy đủ, độ không chắc chắn của thông tin, số liệu về phát thải khí nhà kính và kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở.

**ĐẠI DIỆN CỦA CƠ SỞ**

**Phụ lục III<sup>7</sup>**  
**MẪU BÁO CÁO GIẢM NHẹ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH**  
*(Kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP  
ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

---

|                        |                                                          |
|------------------------|----------------------------------------------------------|
| Mẫu số 01              | Mẫu báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực |
| Mẫu số 02              | Mẫu báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở    |
| Mẫu số 03 <sup>8</sup> | (Được bãi bỏ)                                            |

---

<sup>7</sup> Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi bởi Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm c khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>8</sup> Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO CÁO****Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của...****I. Thông tin chung**

1. Mục tiêu chung của lĩnh vực
2. Đường phát thải cơ sở của lĩnh vực
3. Các biện pháp, hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

| STT | Tên biện pháp/<br>hoạt động | Mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí<br>nhà kính định lượng | Giai đoạn<br>thực hiện |
|-----|-----------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------|
| 1   |                             |                                                        |                        |
| 2   |                             |                                                        |                        |
| ... |                             |                                                        |                        |

**II. Kết quả thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

## 1. Biện pháp số 1:

## a) Thông tin chung

- Phạm vi thực hiện
- Thời gian thực hiện
- Điểm tham chiếu/đường phát thải cơ sở/năm cơ sở
- Mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

## b) Phương pháp đo đạc

- Mô tả phương pháp đo đạc
- Các chỉ số đo đạc

## c) Tổ chức đo đạc, báo cáo, thẩm định

- Bên thực hiện đo đạc
- Bên thực hiện xây dựng báo cáo kết quả đo đạc
- Bên thực hiện thẩm định báo cáo kết quả đo đạc
- Mô tả quy trình đo đạc, báo cáo, thẩm định

## d) Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

- Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính định lượng
- So sánh với kết quả thực hiện của năm gần nhất

## 2. Biện pháp số 2:

**III. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính định lượng của lĩnh vực****IV. Hoạt động giám sát, đánh giá****V. Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



**TÊN CƠ SỞ**  
\_\_\_\_\_**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
\_\_\_\_\_**BÁO CÁO****Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở ...**  
\_\_\_\_\_**I. Thông tin của cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính**

1. Tên cơ sở, địa chỉ, giấy phép kinh doanh.
2. Thông tin về người đại diện của cơ sở trước pháp luật.
3. Thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, sản xuất.

**II. Thông tin về phát thải khí nhà kính và các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tại cơ sở**

1. Ranh giới và phạm vi hoạt động của cơ sở.
2. Cơ sở hạ tầng, công nghệ và hoạt động của cơ sở.
3. Các nguồn phát thải khí nhà kính, bể hấp thụ khí nhà kính và các loại khí nhà kính phát sinh từ hoạt động của cơ sở.
4. Mức phát thải khí nhà kính dự kiến của cơ sở khi không áp dụng công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.
5. Các công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đã được áp dụng tại cơ sở.

**III. Kết quả thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở**

1. Mô tả phương pháp tính toán mức giảm phát thải khí nhà kính.
2. Mô tả phương pháp thu thập số liệu hoạt động.
3. Kết quả số liệu hoạt động đã được thu thập.
4. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính năm ...
5. Độ tin cậy, độ không chắc chắn của mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

**TM. TỔ CHỨC**

**Phụ lục IV**  
**MẪU KẾ HOẠCH GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH**  
*(Kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP*  
*ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

---

|           |                                                           |
|-----------|-----------------------------------------------------------|
| Mẫu số 01 | Mẫu kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực |
| Mẫu số 02 | Mẫu kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở    |

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**KẾ HOẠCH****Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của lĩnh vực ...****I. Mục tiêu chung của lĩnh vực****II. Các biện pháp, hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

- Mô tả, trình bày kết quả kiểm kê khí nhà kính của lĩnh vực trong phạm vi quản lý;
- Mô tả chi tiết phương pháp, số liệu đầu vào, xây dựng kịch bản phát triển thông thường (BAU);
- Tiềm năng giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của lĩnh vực trong phạm vi quản lý;
- Mô tả biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của lĩnh vực trong phạm vi quản lý;
- Mô tả phương thức thực hiện các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý.

**III. Kế hoạch thực hiện**

Mô tả kế hoạch, nguồn lực, lộ trình thực hiện biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của lĩnh vực trong phạm vi quản lý.

**IV. Hoạt động giám sát, đánh giá**

Mô tả các biện pháp giám sát, đánh giá các biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của lĩnh vực trong phạm vi quản lý.

**V. Tổ chức thực hiện****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**KẾ HOẠCH****Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở ....****I. Thông tin của cơ sở**

1. Tên cơ sở, địa chỉ, giấy phép kinh doanh ...
2. Thông tin về người đại diện của cơ sở trước pháp luật
3. Thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, sản xuất

**II. Kết quả kiểm kê khí nhà kính và dự kiến phát thải của cơ sở**

- Mô tả, trình bày kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở đã được nêu trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính của cơ sở.

- Mô tả chi tiết phương pháp, số liệu đầu vào, xác định mức phát thải khí nhà kính dự kiến.

**III. Mục tiêu và biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

Mô tả biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở.

**IV. Kế hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

- Mô tả phương thức thực hiện các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở.

- Mô tả chi tiết phương pháp đo đạc lượng giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở.

**V. Hoạt động giám sát, đánh giá**

Mô tả các biện pháp giám sát, đánh giá các biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở.

**VI. Chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật**

TM. TỔ CHỨC

**Phụ lục V<sup>9</sup>**  
**DANH MỤC VÀ MẪU VĂN BẢN**  
**VỀ TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÁC-BON TRONG NƯỚC,**  
**THAM GIA THỊ TRƯỜNG CÁC-BON THẾ GIỚI**  
*(Kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP*  
*ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

|                          |                                                              |
|--------------------------|--------------------------------------------------------------|
| Mẫu số 01 <sup>10</sup>  | Đơn đề nghị đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia |
| Mẫu số 02 <sup>11</sup>  | Đơn đề nghị xác nhận tín chỉ các-bon                         |
| Mẫu số 03 <sup>12</sup>  | (Bị bãi bỏ)                                                  |
| Mẫu số 03A <sup>13</sup> | Đơn đề nghị công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon        |
| Mẫu số 03B <sup>14</sup> | Tài liệu phương pháp tạo tín chỉ các-bon                     |

<sup>9</sup> Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>10</sup> Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được thay thế bởi Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>11</sup> Mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được thay thế bởi Mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>12</sup> Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 bị bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>13</sup> Mẫu số 03A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>14</sup> Mẫu số 03B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

|                          |                                                                    |
|--------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Mẫu số 03C <sup>15</sup> | Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá phương pháp tạo tín các-bon |
| Mẫu số 03D <sup>16</sup> | Biên bản họp Hội đồng đánh giá phương pháp tạo tín chỉ các-bon     |
| Mẫu số 03Đ <sup>17</sup> | Phiếu đánh giá phương pháp tạo tín chỉ các-bon                     |
| Mẫu số 03E <sup>18</sup> | Quyết định công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon               |
| Mẫu số 04 <sup>19</sup>  | (Bị bãi bỏ)                                                        |
| Mẫu số 04A <sup>20</sup> | Đơn đề nghị đăng ký, điều chỉnh dự án                              |
| Mẫu số 04B <sup>21</sup> | Tài liệu thiết kế dự án                                            |
| Mẫu số 04C <sup>22</sup> | Kế hoạch giám sát dự án                                            |

---

<sup>15</sup> Mẫu số 03C Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>16</sup> Mẫu số 03D Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>17</sup> Mẫu số 03Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>18</sup> Mẫu số 03E Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>19</sup> Mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 bị bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>20</sup> Mẫu số 04A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>21</sup> Mẫu số 04B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>22</sup> Mẫu số 04C Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

|                          |                                                          |
|--------------------------|----------------------------------------------------------|
| Mẫu số 04D <sup>23</sup> | Kế hoạch/Báo cáo thực hiện phát triển bền vững của dự án |
| Mẫu số 04Đ <sup>24</sup> | Phương thức liên lạc của dự án                           |
| Mẫu số 04E <sup>25</sup> | Báo cáo thẩm định tài liệu dự án                         |
| Mẫu số 04G <sup>26</sup> | Quyết định phê duyệt dự án                               |
| Mẫu số 05 <sup>27</sup>  | Đơn đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án           |
| Mẫu số 06 <sup>28</sup>  | Đơn đề nghị hủy đăng ký dự án                            |
| Mẫu số 07A <sup>29</sup> | Đơn đề nghị cấp tín chỉ các-bon                          |
| Mẫu số 07B <sup>30</sup> | Báo cáo giám sát dự án                                   |

---

<sup>23</sup> Mẫu số 04D Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>24</sup> Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>25</sup> Mẫu số 04E Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>26</sup> Mẫu số 04G Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>27</sup> Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được thay thế bởi Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>28</sup> Mẫu số 06 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>29</sup> Mẫu số 07A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>30</sup> Mẫu số 07B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

|                           |                                                                                                                                                         |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mẫu số 07C <sup>31</sup>  | Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ của dự án                                                                                                            |
| Mẫu số 08 <sup>32</sup>   | Đơn đề nghị chấp thuận chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris                                                                |
| Mẫu số 09 <sup>33</sup>   | Đơn đề nghị đăng ký chuyển đổi chương trình/dự án theo Cơ chế phát triển sạch sang Cơ chế Điều 6.4 của Thỏa thuận Paris                                 |
| Mẫu số 10 <sup>34</sup>   | Đơn đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế lượng tín chỉ các-bon, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính                                               |
| Mẫu số 11 <sup>35</sup>   | Báo cáo cung cấp thông tin dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế                                                                   |
| Mẫu số 12 <sup>36</sup>   | Báo cáo tình hình thực hiện dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế                                                                  |
| Danh mục 01 <sup>37</sup> | Danh mục biện pháp, hoạt động khuyến khích thực hiện giảm phát thải khí nhà kính đối với các dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế |

<sup>31</sup> Mẫu số 07C Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>32</sup> Mẫu số 08 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>33</sup> Mẫu số 09 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>34</sup> Mẫu số 10 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>35</sup> Mẫu số 11 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>36</sup> Mẫu số 12 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>37</sup> Danh mục số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.



TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐĂNG KÝ**  
**Tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

*Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;**Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

Tên cơ quan/tổ chức: .....

Đại diện cơ quan/tổ chức: ..... Chức vụ: .....

Mã đăng ký doanh nghiệp: .....

Mã số thuế cơ quan/tổ chức: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Email: .....

Website của cơ quan/tổ chức: .....

Đề nghị đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon cho công ty/tổ chức do tôi là người đại diện hợp pháp theo pháp luật với những thông tin sau:

**1. Tên cơ quan/tổ chức:**

Tên cơ quan/tổ chức viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên cơ quan/tổ chức viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

**2. Thông tin về chương trình, dự án trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon:**

- Tên đầy đủ, mã đăng ký của chương trình/dự án:

.....

- Tên cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon dự án đăng ký:

.....

- Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án:

.....

- Thời gian đăng ký thực hiện dự án:

.....

- Tổng lượng tín chỉ dự kiến được phân bổ từ chương trình, dự án:

.....

- Lượng tín chỉ đã được cấp của chương trình, dự án (nếu có):

.....

- Số seri tín chỉ bắt đầu, kết thúc (nếu có):

.....

- Cơ quan cấp tín chỉ (nếu có):

.....

Hồ sơ đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon bao gồm:

(1) .....

(2) .....

(3) .....

*(Liệt kê các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xác nhận theo danh mục Hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định này)*

Cơ quan/Tổ chức chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các quy định về yêu cầu đối với các thông tin đã cung cấp.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét cấp tài khoản tín chỉ các-bon trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...*

**TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC**

*(Đại diện cơ quan, tổ chức ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

*Tài liệu gửi kèm theo (ngoài danh mục quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định này, nếu có): ...*

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Xác nhận tín chỉ các-bon**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Tên cơ quan/tổ chức: .....  
 Đại diện cơ quan/tổ chức: ..... Chức vụ: .....  
 Mã đăng ký doanh nghiệp: .....  
 Mã số thuế cơ quan/tổ chức: .....  
 Địa chỉ liên hệ: .....  
 Điện thoại: ..... Fax: .....  
 Email: .....

**1. Thông tin dự án**

- Tên đầy đủ và mã đăng ký của chương trình/dự án:
- Tên cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon dự án đăng ký:
- Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án:
- Giai đoạn nhận tín chỉ các-bon của chương trình/dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon: từ tháng ..... năm ..... đến ..... tháng ..... năm .....

**2. Đề nghị xác nhận**

Số lượng tín chỉ các-bon: ..... tín chỉ có số seri tín chỉ từ ..... đến số seri tín chỉ ..... từ dự án trên được giao dịch trên Sàn giao dịch các-bon/hoặc để giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện của ...(1)....

Hồ sơ đề nghị xác nhận bao gồm:

1. ....
2. ....
3. ....

*(Liệt kê các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xác nhận theo danh mục Hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này/hoặc theo quy định tại khoản 8 Điều 19 Nghị định này)*

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác nhận lượng tín chỉ các-bon của dự án trên được phép giao dịch trên Sàn giao dịch các-bon/hoặc để giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện.

*(Địa danh), ngày ..... tháng ..... năm .....*

**TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC**

*(Đại diện hợp pháp ký tên,  
ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

***Ghi chú:***

(1) Tên tổ chức, cá nhân sử dụng tín chỉ các-bon để giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện.

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Công nhận/Điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon**

Kính gửi: .....

*(ghi rõ tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị công nhận/điều chỉnh  
phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ  
tín chỉ các-bon trong nước)*

Tên cá nhân/cơ quan/tổ chức: .....

Đại diện cơ quan/tổ chức (nếu có): .....

Chức vụ (nếu có): .....

Mã đăng ký doanh nghiệp (trường hợp cơ quan/tổ chức đăng ký):

.....

Thông tin căn cước công dân/hộ chiếu (trường hợp cá nhân đăng ký):

.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại liên hệ: ..... Fax: .....

Email: .....

Đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế  
trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước với những thông tin sau:

- Tên phương pháp đề nghị công nhận/điều chỉnh:

.....

- Số phiên bản phương pháp đề nghị công nhận/điều chỉnh (nếu có):

.....

- Phạm vi ngành áp dụng phương pháp:

.....

- Ngày hoàn thành phương pháp:

.....

- Lý do điều chỉnh (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh):

.....  
 .....  
 Hồ sơ đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước bao gồm:

- (1) .....  
 (2) .....  
 (3) .....

*(Liệt kê các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xác nhận theo danh mục Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định này)*

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực và tuân thủ quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ của các số liệu, tài liệu, thông tin trong Hồ sơ đề nghị. Nếu có gì sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc tế.

Đề nghị Bộ .....xem xét công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước của Việt Nam (ghi rõ tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước).

Tài liệu gửi kèm theo (ngoài danh mục quy định tại điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định này, nếu có).

*(Địa danh), ngày... tháng... năm...*

**TM. TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

## MẪU TÀI LIỆU PHƯƠNG PHÁP TẠO TÍN CHỈ CÁC-BON

### I. Thông tin về phương pháp

#### 1. Thông tin chung

|                                                                                                                                     |                                                                                                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân đề nghị công nhận, điều chỉnh phương pháp                                                               |                                                                                                                                    |
| Phạm vi ngành áp dụng phương pháp                                                                                                   |                                                                                                                                    |
| Tên phương pháp được đề nghị công nhận/điều chỉnh và số phiên bản                                                                   |                                                                                                                                    |
| Tài liệu tham khảo xây dựng/đề nghị điều chỉnh phương pháp (số ký hiệu, tên và phiên bản làm căn cứ yêu cầu điều chỉnh phương pháp) |                                                                                                                                    |
| Tóm tắt các sửa đổi (khoảng 300 từ) trong trường hợp đề nghị điều chỉnh phương pháp                                                 |                                                                                                                                    |
| Danh mục các tài liệu gửi kèm:                                                                                                      | <input type="checkbox"/> Dự thảo Tài liệu thiết kế dự án theo Cơ chế ..... đính kèm:<br><input type="checkbox"/> Thông tin bổ sung |
| Ngày hoàn thành:                                                                                                                    |                                                                                                                                    |

#### 2. Lịch sử công nhận/điều chỉnh phương pháp

| Phiên bản | Ngày | Nội dung sửa đổi |
|-----------|------|------------------|
|           |      |                  |

### II. Mô tả phương pháp

#### 1. Giải thích thuật ngữ

| Thuật ngữ | Định nghĩa |
|-----------|------------|
|           |            |

#### 2. Tóm tắt nội dung phương pháp

| Nội dung                                  | Mô tả tóm tắt                                                                |
|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| Các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính | Liệt kê đầy đủ và tóm tắt nội dung các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính |
| Xác định lượng phát thải tham chiếu       | Tóm tắt phương pháp xác định lượng phát thải tham chiếu                      |
| Tính toán lượng phát thải của dự án       | Tóm tắt phương pháp để tính toán lượng phát thải của dự án                   |
| Các thông số giám sát                     | Liệt kê đầy đủ các thông số và tóm tắt phương pháp giám sát chính            |

#### 3. Tiêu chí về tính phù hợp

Phương pháp này được áp dụng đối với các dự án đáp ứng được tất cả các tiêu chí sau:

| STT        | Mô tả tiêu chí <sup>38</sup> |
|------------|------------------------------|
| Tiêu chí 1 |                              |
| Tiêu chí 2 |                              |
| Tiêu chí 3 |                              |

#### 4. Các nguồn phát thải và các dạng khí nhà kính phát sinh

| Lượng phát thải tham chiếu |                   |
|----------------------------|-------------------|
| Các nguồn phát thải        | Loại khí nhà kính |
|                            |                   |
| Lượng phát thải của dự án  |                   |
| Các nguồn phát thải        | Loại khí nhà kính |
|                            |                   |

#### 5. Xây dựng đường phát thải tham chiếu

1. Phương pháp xác định lượng phát thải tham chiếu
2. Tính toán lượng phát thải tham chiếu

#### 6. Tính toán lượng phát thải của dự án

#### 7. Tính toán lượng giảm phát thải khí nhà kính từ dự án

### III. Tham số mặc định<sup>39</sup>

| Tên tham số | Mô tả dữ liệu về tham số mặc định | Nguồn trích dẫn |
|-------------|-----------------------------------|-----------------|
|             |                                   |                 |
|             |                                   |                 |

<sup>38</sup> Tiêu chí về tính phù hợp là yêu cầu đặt ra đối với dự án để có thể áp dụng được phương pháp. Các tiêu chí phải đảm bảo nguyên tắc có thể kiểm tra khách quan, dễ dàng kiểm tra trong quá trình thẩm định, tránh phải giám sát khi áp dụng, bao gồm:

- Các đặc điểm để xác định biện pháp (như: công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, lĩnh vực) được áp dụng cho phương pháp đề xuất.
- Các điều kiện cần thiết để tính toán chính xác lượng giảm phát thải khí nhà kính bằng thuật toán sử dụng trong phương pháp đề xuất (như: tình hình trước khi triển khai biện pháp trong trường hợp tính toán đường phát thải cơ sở dựa trên lịch sử hoạt động của cơ sở).

<sup>39</sup> Tham số mặc định là các giá trị mặc định được áp dụng để tính toán trong phương pháp đề xuất (như: tỷ lệ cải thiện hiệu quả tiêu thụ năng lượng ( $EER_j$ ), hệ số phát thải  $CO_2$  của điện năng trong một khoảng thời gian ( $EF_{e,p}$ ), nhiệt trị ròng của nhiên liệu hóa thạch (dầu, diesel, dầu hỏa, khí tự nhiên) ( $NCV_{i,p}$ ), Hệ số phát thải  $CO_2$  của nhiên liệu hóa thạch  $i$  (dầu diesel, dầu hỏa, khí đốt tự nhiên...) trong một khoảng thời gian ( $EF_{CO_2,f,i,p}$ ) ...



(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập Hội đồng đánh giá phương pháp tạo tín chỉ  
áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước (2)**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ... (3) ...**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ (4);*

*Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Xét Văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của (5) về việc đề nghị đánh giá phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước (2);*

*Theo đề nghị của (6).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập hội đồng đánh giá phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước gồm các ông (bà) có tên sau đây:

| TT  | Họ và tên | Học hàm,<br>học vị | Chức vụ,<br>đơn vị công tác | Chức danh trong<br>hội đồng     |
|-----|-----------|--------------------|-----------------------------|---------------------------------|
| 1   |           |                    |                             | Chủ tịch                        |
| 2   |           |                    |                             | Phó chủ tịch<br>(nếu cần thiết) |
| 3   |           |                    |                             | Ủy viên<br>phản biện            |
| 4   |           |                    |                             | Ủy viên<br>phản biện            |
| 5   |           |                    |                             | Ủy viên                         |
| ... |           |                    |                             | ...                             |
| ... |           |                    |                             | Ủy viên thư ký                  |

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ xem xét, đánh giá phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước (2), chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá và gửi kết quả cho (3).

Hội đồng đánh giá tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Chi phí hoạt động của hội đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

(6), (7) và các thành viên hội đồng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- (5);
- ...
- Lưu: ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Ghi chú:**

- (1) Tên bộ nhận hồ sơ phương pháp đề nghị công nhận/điều chỉnh;
- (2) Tên phương pháp đề nghị công nhận/điều chỉnh;
- (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu của (1);
- (4) Tên của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1);
- (5) Tổ chức/cá nhân đề nghị đánh giá phương pháp;
- (6) Chức danh của thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan được giao tổ chức đánh giá;
- (7) Chức danh người đứng đầu của (5) hoặc tên cá nhân đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BIÊN BẢN**  
**Họp Hội đồng đánh giá phương pháp tạo tín chỉ các-bon**

---

Tên phương pháp được đánh giá:.....

Thời gian họp: ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Địa điểm họp: .....

**I. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP**

**1. Hội đồng đánh giá:**

- Thành viên hội đồng có mặt (chỉ nêu số lượng thành viên hội đồng có mặt):
- Thành viên hội đồng vắng mặt (ghi rõ số lượng kèm theo họ tên, chức danh trong hội đồng của tất cả các thành viên vắng mặt; nêu rõ có lý do hoặc không có lý do; trường hợp ủy quyền tham dự họp, nêu đầy đủ tên của văn bản ủy quyền)

**2. Đại diện tổ chức/cá nhân đề xuất phương pháp**

**3. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan (nếu có)**

**4. Đại biểu tham dự: ...**

**II. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP**

*(Yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến của phiên họp hội đồng, ghi đầy đủ, trung thực các câu hỏi, trả lời, các ý kiến trao đổi, thảo luận của các bên tham gia phiên họp hội đồng đánh giá)*

1. Ủy viên thư ký thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự; giới thiệu người chủ trì phiên họp (Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng trong trường hợp được Chủ tịch hội đồng ủy quyền) điều hành phiên họp

2. Đại diện tổ chức/cá nhân đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp trình bày tóm tắt về phương pháp *(ghi những nội dung chính được tổ chức/cá nhân đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp trình bày, đặc biệt chú trọng vào các nội dung trình bày khác so với tài liệu phương pháp)*

3. Thảo luận, trao đổi giữa thành viên hội đồng với tổ chức/cá nhân đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp về nội dung của phương pháp ghi chi tiết và đầy đủ các nội dung trao đổi)

4. Ý kiến nhận xét về Tài liệu phương pháp của các thành viên hội đồng
5. Ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có)
6. Ý kiến phản hồi của tổ chức/cá nhân đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp

### **III. KẾT LUẬN CUỘC HỌP**

1. Người chủ trì phiên họp công bố kết luận của hội đồng đánh giá: được tổng hợp trên cơ sở ý kiến của các thành viên hội đồng đánh giá, trong đó người chủ trì phiên họp kết luận theo các nội dung đánh giá quy định tại điểm d khoản 5 Điều 20 Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ kèm theo những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có), cụ thể như sau:

- Sự phù hợp của biện pháp giảm phát thải khí nhà kính;
- Sự phù hợp của phương pháp tính lượng phát thải khí nhà kính khi chưa áp dụng biện pháp giảm phát thải khí nhà kính;
- Sự phù hợp của phương pháp tính lượng giảm phát thải khí nhà kính khi áp dụng biện pháp giảm phát thải khí nhà kính;
- Sự phù hợp của các tham số giám sát hoạt động dự án.

2. Ý kiến khác của các thành viên hội đồng đánh giá (nếu có): ...

3. Ý kiến của tổ chức/cá nhân đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp

4. Kết quả phiếu đánh giá:

- Số phiếu thông qua phương pháp không cần chỉnh sửa, bổ sung: ...
- Số phiếu thông qua phương pháp với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:
- Số phiếu không thông qua phương pháp: ...

***Người chủ trì cuộc họp tuyên bố kết thúc cuộc họp.***

Biên bản được hoàn thành vào hồi... giờ... ngày ... tháng ... năm ... đã đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe; đã được thống nhất giữa các bên liên quan và được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**  
**Phương pháp tạo tín chỉ các-bon**

---

**I. Thông tin của thành viên hội đồng đánh giá**

1. Họ và tên người nhận xét: .....
2. Học hàm, học vị: .....
3. Chức vụ, đơn vị công tác: .....
4. Chức danh trong hội đồng: .....
5. Điện thoại liên hệ: .....
6. Email: .....
7. Địa chỉ liên hệ: .....
8. Tên phương pháp: .....

**II. Ý kiến đánh giá**

1. Nhận xét về nội dung của phương pháp:

| TT | Nội dung đánh giá                                                                                                   | Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu | Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1  | Sự phù hợp của biện pháp giảm phát thải khí nhà kính                                                                |                                                                                                                  |                                                         |
| 2  | Sự phù hợp của phương pháp tính lượng phát thải khí nhà kính khi chưa áp dụng biện pháp giảm phát thải khí nhà kính |                                                                                                                  |                                                         |
| 3  | Sự phù hợp phương pháp tính lượng phát thải khí nhà kính khi áp dụng biện pháp giảm phát thải khí nhà kính          |                                                                                                                  |                                                         |
| 4  | Sự phù hợp của các tham số giám sát hoạt động dự án                                                                 |                                                                                                                  |                                                         |

2. Nhận xét về các nội dung khác ngoài Mục 1 nêu trên và câu hỏi (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

3. Những yêu cầu đối với phương pháp khi xem xét phê duyệt phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước:

.....

.....

.....

.....

.....

### III. Kết luận

*(Nêu rõ 01 trong 03 mức độ: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua):*

.....

.....

.....

.....

.....

*(Địa danh), ngày... tháng... năm...*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-...

(Địa danh), ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon (2)**

....(3)...

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ (04);*

*Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Xét đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon tại Công văn/văn bản số... ngày... tháng... năm...;*

*Theo đề nghị của (5).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước với thông tin như sau:

- Tên phương pháp: .....
- Mã số phương pháp: .....
- Thông tin chi tiết phương pháp tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Phương pháp nêu tại Điều 1 được áp dụng đối với các dự án đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (2).

**Nơi nhận:**

- Nơi nhận khác (nếu có);
- Lưu:...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan công nhận phương pháp;
- (2) Tên phương pháp đề nghị công nhận/điều chỉnh;
- (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu của (1);
- (4) Tên của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1);
- (5) Chức danh của thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan được giao tổ chức đánh giá.

TÊN TỔ CHỨC

Số: ... /...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Đăng ký/Điều chỉnh dự án**

Kính gửi: .....

*(Ghi tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước).*

(Tên cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị công nhận/điều chỉnh dự án) đề nghị (tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước) chấp thuận đăng ký/điều chỉnh (tên dự án) theo các nội dung sau:

**I. Thông tin về tổ chức đại diện đề nghị**

1. Tên tổ chức đại diện đề nghị: .....
2. Mã đăng ký doanh nghiệp: .....
3. Mã số thuế cơ quan/tổ chức: .....
4. Người đại diện cơ quan/tổ chức đại diện:..... Chức vụ: .....  
CCCD/Hộ chiếu số: .....
5. Địa chỉ trụ sở: .....
6. Địa chỉ liên hệ: .....
7. Điện thoại liên hệ: .....
8. Fax: .....
9. Email: .....

**II. Thông tin về tổ chức khác (dự kiến) tham gia dự án** *(ghi rõ tên các cơ quan/tổ chức (dự kiến) tham gia dự án, mã đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở của cơ quan/tổ chức (dự kiến) tham gia dự án)*

**III. Nội dung đề nghị**

Đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước với những thông tin sau:

1. Tên đầy đủ dự án đề nghị đăng ký/điều chỉnh:

.....

2. Địa điểm thực hiện dự án: .....



3. Dự kiến thời gian thực hiện dự án: .....
4. Dự kiến kinh phí thực hiện dự án: .....
5. Dự kiến tiến độ thực hiện dự án (khởi công/lắp đặt trang thiết bị/vận hành):.....
6. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của dự án:  
.....
7. Dự kiến lượng giảm phát thải khí nhà kính từ dự án: .....; lượng tín chỉ quy đổi: .....
8. Số lần điều chỉnh dự án (nếu có): .....
9. Lý do điều chỉnh (nếu có):  
.....

#### **IV. Các văn bản, tài liệu kèm theo**

Hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước bao gồm:

- (1) .....
- (2) .....
- (3) .....

*(Liệt kê các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xác nhận theo danh mục Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 6 Điều 20 Nghị định này)*

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực và tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư dự án. Nếu có gì sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc tế.

Đề nghị (tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị) xem xét phê duyệt đăng ký/điều chỉnh (tên dự án) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước của Việt Nam.

*(Địa danh), ngày ..... tháng ..... năm .....*

**TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC**

*(Đại diện cơ quan, tổ chức ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

*Tài liệu gửi kèm theo (ngoài danh mục quy định tại điểm a khoản 6 Điều 20 Nghị định này, nếu có): ...*

## TÀI LIỆU THIẾT KẾ DỰ ÁN

### A. Mô tả dự án

#### A.1. Tên dự án

*(Đề nghị nêu rõ công nghệ áp dụng và lĩnh vực thực hiện của dự án)*

|  |
|--|
|  |
|--|

#### A.2. Mô tả chung về dự án, công nghệ và/hoặc giải pháp dự kiến sử dụng

*(Đề nghị mô tả: Mục đích; phương pháp giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính)*

|  |
|--|
|  |
|--|

#### A.3. Vị trí dự án (kèm tọa độ)

|                    |          |
|--------------------|----------|
| Quốc gia thực hiện | Việt Nam |
| Tỉnh/Thành phố     |          |
| Xã/Phường          |          |
| Vĩ độ, kinh độ:    |          |

#### A.4. Tên của bên tham gia dự án

|          |  |
|----------|--|
| Việt Nam |  |
| ...      |  |

#### A.5. Thời gian thực hiện

|                                     |  |
|-------------------------------------|--|
| Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án   |  |
| Thời gian thực hiện dự án (dự kiến) |  |

### B. Áp dụng phương pháp đã được phê duyệt

#### B.1. Lựa chọn phương pháp

*(Điền số ký hiệu của phương pháp được phê duyệt và số của phiên bản sử dụng trong dự án)*

|                            |  |
|----------------------------|--|
| Số ký hiệu của phương pháp |  |
| Số phiên bản               |  |
| Số ký hiệu của phương pháp |  |
| Số phiên bản               |  |

#### B.2. Sự phù hợp của dự án đối với phương pháp được áp dụng

| STT        | Mô tả trong phương pháp <sup>40</sup> | Hoạt động dự án <sup>41</sup> |
|------------|---------------------------------------|-------------------------------|
| Tiêu chí 1 |                                       |                               |
| Tiêu chí 2 |                                       |                               |
| Tiêu chí 3 |                                       |                               |

### C. Tính toán lượng giảm phát thải

#### C.1. Liệt kê nguồn phát thải và khí nhà kính

| Phát thải đường cơ sở |                   |
|-----------------------|-------------------|
| Các nguồn phát thải   | Khí nhà kính      |
|                       |                   |
| Phát thải dự án       |                   |
| Các nguồn phát thải   | Loại khí nhà kính |
|                       |                   |

#### C.2. Nguồn phát thải và vị trí giám sát nguồn phát thải

(Minh họa bằng sơ đồ)

|  |
|--|
|  |
|--|

#### C.3. Tính toán lượng giảm phát thải trong từng năm

| Năm                           | Phát thải đường cơ sở (tấn CO <sub>2</sub> tđ) | Phát thải dự án (tấn CO <sub>2</sub> tđ) | Lượng giảm phát thải (tấn CO <sub>2</sub> tđ) |
|-------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Năm A                         |                                                |                                          |                                               |
| Năm B                         |                                                |                                          |                                               |
| Năm C                         |                                                |                                          |                                               |
| ...                           |                                                |                                          |                                               |
| Tổng (tấn CO <sub>2</sub> tđ) |                                                |                                          |                                               |

### D. Đánh giá tác động môi trường

|                                                                       |  |
|-----------------------------------------------------------------------|--|
| Quy định pháp lý liên quan đến đánh giá tác động môi trường cho dự án |  |
|-----------------------------------------------------------------------|--|

(Lựa chọn “Có” hoặc “Không” tùy theo quy định về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đính kèm đánh giá tác động môi trường trong trường hợp lựa chọn “CÓ”.)

<sup>40</sup> Liệt kê lại các mô tả được xác định cho từng tiêu chí phù hợp trong phương pháp áp dụng.

<sup>41</sup> Giải thích cách dự án đáp ứng từng tiêu chí đủ điều kiện của phương pháp áp dụng.

|                                      |
|--------------------------------------|
| <b>Đ. Tham vấn các bên liên quan</b> |
|--------------------------------------|

|                         |
|-------------------------|
| Đ.1. Quy trình tham vấn |
|-------------------------|

|  |
|--|
|  |
|--|

|                                    |
|------------------------------------|
| Đ.2. Tổng hợp ý kiến và giải trình |
|------------------------------------|

| Các bên liên quan | Ý kiến | Giải trình |
|-------------------|--------|------------|
|                   |        |            |

|                              |
|------------------------------|
| <b>E. Tài liệu tham khảo</b> |
|------------------------------|

|  |
|--|
|  |
|--|

|                |
|----------------|
| <b>Phụ lục</b> |
|----------------|

|  |
|--|
|  |
|--|

*(Thông tin thêm về ước tính lượng giảm phát thải, nếu cần thiết).*

|                                                  |
|--------------------------------------------------|
| <b>Quá trình sửa đổi tài liệu thiết kế dự án</b> |
|--------------------------------------------------|

| Phiên bản | Ngày | Nội dung sửa đổi |
|-----------|------|------------------|
|           |      |                  |

**KẾ HOẠCH GIÁM SÁT DỰ ÁN****Bảng 1. Các thông số giám sát thực tế**

| (a)              | (b)     | (c)           | (d)                  | (e)        | (f)                | (g)           | (h)                               | (i)               | (k)         |
|------------------|---------|---------------|----------------------|------------|--------------------|---------------|-----------------------------------|-------------------|-------------|
| Số điểm giám sát | Tham số | Mô tả dữ liệu | Ước tính các giá trị | Các đơn vị | Phương án giám sát | Nguồn dữ liệu | Phương pháp và quy trình đo lường | Tần suất giám sát | Ý kiến khác |
|                  |         |               |                      |            |                    |               |                                   |                   |             |
|                  |         |               |                      |            |                    |               |                                   |                   |             |

**Bảng 2: Các thông số cụ thể của dự án sẽ được cố định dự kiến**

| (a)     | (b)           | (c)                  | (d)        | (e)           | (f)         |
|---------|---------------|----------------------|------------|---------------|-------------|
| Tham số | Mô tả dữ liệu | Ước tính các giá trị | Các đơn vị | Nguồn dữ liệu | Ý kiến khác |
|         |               |                      |            |               |             |
|         |               |                      |            |               |             |

**Bảng 3. Dự kiến về mức giảm phát thải CO<sub>2</sub>**

| Lượng giảm phát thải CO <sub>2</sub> | Các đơn vị           |
|--------------------------------------|----------------------|
| ...                                  | tCO <sub>2</sub> / p |

**Bảng 4. Phương án giám sát**

| Phương án giám sát | Cơ sở đề xuất                                                                                                                                                                                       |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Phương án A        | Dựa trên dữ liệu công khai được đo lường bởi các tổ chức không phải là các bên tham gia dự án<br>(Dữ liệu được sử dụng: dữ liệu được công nhận công khai như dữ liệu thống kê và thông số kỹ thuật) |
| Phương án B        | Dựa trên số lượng giao dịch được đo trực tiếp bằng thiết bị đo lường<br>(Dữ liệu được sử dụng: bằng chứng thương mại như hóa đơn...)                                                                |
| Phương án C        | Dựa trên kết quả đo thực tế bằng thiết bị đo lường<br>(Dữ liệu được sử dụng: giá trị đo được)                                                                                                       |

**Bảng 5. Tổ chức giám sát**

| <b>Người chịu trách nhiệm</b> | <b>Vai trò</b>                                                                                                                          |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quản lý dự án                 | Chịu trách nhiệm lập kế hoạch, thực hiện dự án, giám sát kết quả và báo cáo.                                                            |
| Phó giám đốc dự án            | Phụ trách duyệt dữ liệu lưu trữ sau khi đã được kiểm tra và chỉnh sửa khi cần thiết.                                                    |
| Người quản lý cơ sở           | Phụ trách quy trình giám sát (thu thập và lưu trữ dữ liệu), bao gồm các thiết bị giám sát và hiệu chuẩn, và đào tạo nhân viên giám sát. |
| Người điều hành               | Phụ trách việc kiểm tra các số liệu lưu trữ có bất thường và thiếu.                                                                     |
| ...                           |                                                                                                                                         |

**KẾ HOẠCH/BÁO CÁO  
THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DỰ ÁN**

**A. Mô tả dự án**

**A.1. Tên dự án**

|  |
|--|
|  |
|--|

**A.2. Thông tin chung của dự án**

|                    |                                             |
|--------------------|---------------------------------------------|
| Số tham chiếu      |                                             |
| Ngày đăng ký       | .../.../...                                 |
| Thời gian giám sát | Bắt đầu: .../.../..., Kết thúc: .../.../... |

**B. Đóng góp cho phát triển bền vững**

**B.1 Danh sách kiểm tra đóng góp cho phát triển bền vững**

| TT | Các mục                                 |                                                         | Không xác định           | Đã xác định              | Mô tả các hành động khắc phục trong trường hợp đánh dấu ô “đã xác định” |
|----|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Báo cáo đánh giá tác động môi trường    | Dự án được đưa vào Báo cáo đánh giá tác động môi trường | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 2  | Kiểm soát Ô nhiễm                       | Xảy ra ô nhiễm chất lượng không khí xung quanh          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 3  |                                         | Xảy ra ô nhiễm chất lượng nước                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 4  |                                         | Xảy ra phát sinh chất thải                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 5  |                                         | Xảy ra tiếng ồn và/hoặc độ rung                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 6  |                                         | Xảy ra sụt lún đất                                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 7  |                                         | Xảy ra mùi xung quanh                                   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 8  | An toàn và sức khỏe                     | Xảy ra sự cố hoặc tai nạn lao động                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 9  | Môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học | Thay đổi tình trạng khu vực được bảo vệ                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 10 |                                         | Thay đổi điều kiện sử dụng đất và hệ sinh thái          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 11 |                                         | Giới thiệu các loài ngoại lai                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |

| TT | Các mục                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                              | Không xác định           | Đã xác định              | Mô tả các hành động khắc phục trong trường hợp đánh dấu ô “đã xác định” |
|----|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 12 |                                                | Tác động môi trường trong khi xây dựng                                                                                                                                                                                                                                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 13 |                                                | Sử dụng nước bề mặt, nước ngầm và/hoặc nước ngầm sâu                                                                                                                                                                                                                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 14 | Kinh tế                                        | Giảm năng lực lao động địa phương                                                                                                                                                                                                                                            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 15 |                                                | Suy giảm phúc lợi cộng đồng địa phương                                                                                                                                                                                                                                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 16 | Sự tham gia của cộng đồng xã hội và địa phương | Vi phạm nhân quyền thông qua chuỗi cung ứng và thực hiện dự án                                                                                                                                                                                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 17 |                                                | Các vấn đề liên quan đến quyền về sức khỏe, quyền của người dân bản địa, cộng đồng địa phương, người di cư, trẻ em, người khuyết tật và người có hoàn cảnh dễ bị tổn thương và quyền phát triển, cũng như bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và công bằng giữa các thế hệ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 18 |                                                | Xuất hiện tái định cư hoặc xung đột                                                                                                                                                                                                                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 19 |                                                | Thất bại trong việc theo dõi các nhận xét và khiếu nại                                                                                                                                                                                                                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 20 |                                                | Vi phạm điều kiện làm việc quy định                                                                                                                                                                                                                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 21 | Công nghệ                                      | Thất bại trong việc xây dựng năng lực con người và thể chế bằng chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |
| 22 |                                                | Thất bại trong việc cung cấp được thông số kỹ thuật công nghệ và sách hướng dẫn sử dụng ít nhất bằng tiếng Anh và tiếng Việt nếu có                                                                                                                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |                                                                         |

*Đánh dấu vào từng ô “Không xác định” hoặc “Đã xác định” tùy thuộc vào loại tác động thông qua việc thực hiện dự án phù hợp với từng hạng mục được xác định. Khi ô “Đã xác định” được đánh dấu, các bên tham gia dự án được yêu cầu mô tả các hành động khắc phục đối với từng tác động “Đã xác định”.*

**B.2 Mô tả đóng góp của dự án theo Cơ chế ... cho sự phát triển bền vững ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới đây:**

|  |
|--|
|  |
|--|



## PHƯƠNG THỨC LIÊN LẠC

|                            |                            |
|----------------------------|----------------------------|
| <b>Phần 1: Mô tả dự án</b> |                            |
| Tên dự án                  |                            |
| Quốc gia thực hiện         | Việt Nam                   |
| Thời gian đệ trình         | Ngày ... tháng ... năm ... |

|                                                                                      |                                                                                                                                                                         |                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| <b>Phần 2: Cơ quan đại diện</b>                                                      |                                                                                                                                                                         |                                                                          |
| <b>Tên cơ quan:</b>                                                                  |                                                                                                                                                                         |                                                                          |
| Địa chỉ :                                                                            |                                                                                                                                                                         |                                                                          |
| Điện thoại:                                                                          |                                                                                                                                                                         | Fax:                                                                     |
| Địa chỉ thư điện tử:                                                                 |                                                                                                                                                                         | Website:                                                                 |
| <b>Người đại diện (chính thức):</b>                                                  |                                                                                                                                                                         | Ông <input type="checkbox"/> Bà <input type="checkbox"/>                 |
| Họ:                                                                                  |                                                                                                                                                                         | Tên:                                                                     |
| Chức vụ:                                                                             |                                                                                                                                                                         |                                                                          |
| Chữ ký:                                                                              |                                                                                                                                                                         | Ngày ... tháng ... năm ...                                               |
| <b>Người đại diện (thay thế):</b>                                                    |                                                                                                                                                                         | Ông <input type="checkbox"/> Bà <input type="checkbox"/>                 |
| Họ:                                                                                  |                                                                                                                                                                         | Tên:                                                                     |
| Chức vụ:                                                                             |                                                                                                                                                                         |                                                                          |
| Chữ ký:                                                                              |                                                                                                                                                                         | Ngày ... tháng ... năm ...                                               |
| <b>Đầu mối liên hệ:</b>                                                              |                                                                                                                                                                         | Ông <input type="checkbox"/> Bà <input type="checkbox"/>                 |
| Họ:                                                                                  |                                                                                                                                                                         | Tên:                                                                     |
| Chức vụ:                                                                             |                                                                                                                                                                         |                                                                          |
| Đơn vị công tác:                                                                     |                                                                                                                                                                         |                                                                          |
| Di động:                                                                             |                                                                                                                                                                         | Điện thoại cơ quan.:                                                     |
| Địa chỉ thư điện tử:                                                                 |                                                                                                                                                                         | Fax:                                                                     |
| CHỈ ÁP DỤNG<br>CHO TRƯỜNG<br>HỢP YÊU CẦU<br>THAY ĐỔI THÔNG<br>TIN SAU KHI<br>ĐĂNG KÝ | Tên cơ quan có thay đổi<br>không?                                                                                                                                       | Có <input type="checkbox"/> (Tên cũ: )<br>Không <input type="checkbox"/> |
|                                                                                      | Cơ quan đại diện có là bên<br>tham gia dự án không?                                                                                                                     | Có <input type="checkbox"/><br>Không <input type="checkbox"/>            |
|                                                                                      | Trong trường hợp cơ quan<br>đại diện là bên tham gia dự<br>án, cơ quan có sử dụng chữ<br>ký đại diện giống chữ ký sử<br>dụng trong vai trò bên tham<br>gia dự án không? | Có <input type="checkbox"/><br>Không <input type="checkbox"/>            |

|                                                           |                                                          |
|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| <b>Phần 3: Bên thứ ba</b>                                 |                                                          |
| <b>Bên thứ ba thực hiện thẩm định (và thẩm tra) dự án</b> |                                                          |
| Địa chỉ:                                                  |                                                          |
| <b>Đầu mối liên hệ:</b>                                   | Ông <input type="checkbox"/> Bà <input type="checkbox"/> |
| Họ:                                                       | Tên:                                                     |
| Chức vụ:                                                  |                                                          |
| Đơn vị công tác:                                          |                                                          |
| Địa chỉ thư điện tử:                                      | Điện thoại liên hệ:                                      |

|                                                                                |                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>Phần 4: Danh sách các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện</b> |                                   |
|                                                                                | <b>Tên các bên tham gia dự án</b> |
| (1)                                                                            |                                   |
| (2)                                                                            |                                   |
| (3)                                                                            |                                   |
| (4)                                                                            |                                   |
| (5)                                                                            |                                   |
| (6)                                                                            |                                   |

*\*Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết*

*\*Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.*

|                                                                                                                  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Phần 5: Thông tin liên hệ</b><br><b>(Phần dành cho các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện)</b> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                     |                                                          |
|-------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| <b>Bên tham gia dự án (1)</b>       |                                                          |
| <b>Tên bên tham gia dự án:</b>      |                                                          |
| Địa chỉ:                            |                                                          |
| Điện thoại:                         | Fax:                                                     |
| Địa chỉ thư điện tử:                | Website:                                                 |
| <b>Người đại diện (chính thức):</b> | Ông <input type="checkbox"/> Bà <input type="checkbox"/> |
| Họ:                                 | Tên:                                                     |
| Chức vụ:                            |                                                          |
| Chữ ký:                             | Ngày ... tháng ... năm ...                               |
| <b>Người đại diện (thay thế):</b>   | Ông <input type="checkbox"/> Bà <input type="checkbox"/> |

|                                                                                      |                                              |                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Họ:                                                                                  | Tên:                                         |                                                                          |
| Chức vụ:                                                                             |                                              |                                                                          |
| Chữ ký:                                                                              | Ngày ... tháng ... năm ...                   |                                                                          |
| <b>Đầu mối liên hệ:</b>                                                              | Ông <input type="checkbox"/>                 | Bà <input type="checkbox"/>                                              |
| Họ:                                                                                  | Tên:                                         |                                                                          |
| Chức vụ:                                                                             |                                              |                                                                          |
| Đơn vị công tác:                                                                     |                                              |                                                                          |
| Di động:                                                                             | Điện thoại cơ quan:                          |                                                                          |
| Địa chỉ thư điện tử:                                                                 | Fax:                                         |                                                                          |
| CHỈ ÁP DỤNG<br>CHO TRƯỞNG<br>HỢP YÊU CẦU<br>THAY ĐỔI THÔNG<br>TIN SAU KHI<br>ĐĂNG KÝ | Tên bên tham gia dự<br>án có thay đổi không? | Có <input type="checkbox"/> (Tên cũ: )<br>Không <input type="checkbox"/> |

*\*Có thể chèn thêm thông tin vào Bảng, nếu cần thiết.*

| <b>Phần 6: Xác nhận</b>                                                                    |                                                                                            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| Xác nhận của cơ quan/tổ chức đại diện và các bên tham gia dự án.                           |                                                                                            |
| Tên cơ quan/tổ chức đại diện:<br>Người đại diện:<br>Chữ ký:<br>Ngày ... tháng ... năm ...  | (1)<br>Tên bên tham gia dự án:<br>Người đại diện:<br>Chữ ký:<br>Ngày ... tháng ... năm ... |
| (2)<br>Tên bên tham gia dự án:<br>Người đại diện:<br>Chữ ký:<br>Ngày ... tháng ... năm ... | (3)<br>Tên bên tham gia dự án:<br>Người đại diện:<br>Chữ ký:<br>Ngày ... tháng ... năm ... |
| (4)<br>Tên bên tham gia dự án:<br>Người đại diện:<br>Chữ ký:<br>Ngày ... tháng ... năm ... | (5)<br>Tên bên tham gia dự án:<br>Người đại diện:<br>Chữ ký:<br>Ngày ... tháng ... năm ... |

*\*Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết*

*\*Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.*

|                                                |
|------------------------------------------------|
| <b>Phần 7: Cam kết không đăng ký trùng lặp</b> |
|------------------------------------------------|

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <p>Cơ quan/tổ chức đại diện cam kết dự án này không được sử dụng để đăng ký tham gia bất kỳ cơ chế giảm phát thải nào khác ngoài Cơ chế này, đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính của dự án.</p>                                                                                                                                                           |                                                                 |
| <p>Tôi xin cam đoan dự án này chưa được sử dụng để đăng ký vào bất kỳ cơ chế giảm phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác ngoài Cơ chế ...., đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính.</p> <p>Tôi xin cam đoan dự án này sẽ không được đăng ký cho bất kỳ cơ chế giảm phát thải quốc tế nào trong trường hợp dự án được công nhận là dự án thuộc Cơ chế...</p> |                                                                 |
| <p><b>Cơ quan/tổ chức đại diện:</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p>Ông <input type="checkbox"/> Bà <input type="checkbox"/></p> |
| <p>Họ:</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <p>Tên:</p>                                                     |
| <p>Chức vụ:</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                 |
| <p>Chữ ký:</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <p>Ngày ... tháng ... năm ...</p>                               |

## BÁO CÁO THẨM ĐỊNH TÀI LIỆU DỰ ÁN

### A. Tóm tắt nội dung

#### A.1. Thông tin chung

|                                                                             |  |
|-----------------------------------------------------------------------------|--|
| Tên dự án:                                                                  |  |
| Số ký hiệu:                                                                 |  |
| Đơn vị thẩm định độc lập:                                                   |  |
| Thành viên tham gia dự án đại diện ký hợp đồng với Đơn vị thẩm định độc lập |  |
| Ngày lập báo cáo:                                                           |  |

#### A.2. Kết luận về quá trình xác minh

|                                   |                                                                        |
|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Đánh giá chung về thẩm định dự án | <input type="checkbox"/> Tích cực<br><input type="checkbox"/> Tiêu cực |
|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------|

#### A.3. Tóm tắt các kết luận về quá trình thẩm định

*Kết quả thẩm định dự án chỉ được đánh giá tích cực khi tất cả các ô vuông đều được đánh dấu*

| Nội dung thực hiện                           | Nội dung thẩm định                                                                                                                                                                                                                | Không còn đề nghị sửa đổi (CAR) hoặc đề nghị làm rõ (CL) |
|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| Hoàn thành Mẫu tài liệu thiết kế dự án (PDD) | Đơn vị thẩm định làm nhiệm vụ thẩm tra việc hoàn thành PDD có theo đúng mẫu PDD mới nhất, phù hợp với loại dự án, và tuân thủ Hướng dẫn xây dựng PDD trong Cơ chế ..., Hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo giám sát hay không? | <input type="checkbox"/>                                 |
| Mô tả dự án                                  | Phần mô tả dự án đề xuất trong PDD có đảm bảo tính chính xác, hoàn thiện và bao quát hay không?                                                                                                                                   | <input type="checkbox"/>                                 |
| Áp dụng (các) phương pháp đã phê duyệt       | Phương pháp được lựa chọn áp dụng có phù hợp với các điều kiện của dự án hay không? Và phiên bản áp dụng có còn hiệu lực tại thời điểm đệ trình để thực hiện xác minh dự án hay không?                                            | <input type="checkbox"/>                                 |
| Nguồn phát thải và tính toán lượng           | Các nguồn phát thải khí nhà kính sử dụng để tính toán lượng phát thải của dự án và phát thải tham chiếu có được liệt kê đầy đủ hay không?                                                                                         | <input type="checkbox"/>                                 |

| <b>Nội dung thực hiện</b>                 | <b>Nội dung thẩm định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Không còn đề nghị sửa đổi (CAR) hoặc đề nghị làm rõ (CL)</b> |
|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| giảm phát thải                            | Các giá trị mặc định (tính toán trước) cho các thông số của dự án được liệt kê trong Mẫu giám sát có phù hợp hay không (nếu áp dụng)?                                                                                                                                                                                        | <input type="checkbox"/>                                        |
| Đánh giá tác động môi trường              | Trong trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), các thành viên tham gia dự án đã thực hiện ĐTM theo đúng quy định của Việt Nam hay chưa?                                                                                                                                                               | <input type="checkbox"/>                                        |
| Tham vấn các bên liên quan tại địa phương | Các thành viên tham gia dự án phải thực hiện quá trình tham vấn các bên liên quan tại địa phương nhằm gắn kết sự tham gia của các Bên và tập hợp ý kiến đóng góp cho dự án.                                                                                                                                                  | <input type="checkbox"/>                                        |
| Tổ chức giám sát                          | Phần mô tả về kế hoạch giám sát (sử dụng Mẫu kế hoạch giám sát và Cơ cấu tổ chức giám sát) phải dựa theo phương pháp đã phê duyệt và/hoặc Hướng dẫn về xây dựng PDD, Kế hoạch giám sát và Báo cáo giám sát.<br><br>Các điểm giám sát đo đạc và việc lắp đặt thiết bị (trong trường hợp cần thiết) phải đảm bảo tính phù hợp. | <input type="checkbox"/>                                        |
| Ý kiến công chúng                         | Các thành viên tham gia dự án đảm bảo dữ liệu điền vào PDD có theo đúng Hướng dẫn thủ tục về chu trình dự án.                                                                                                                                                                                                                | <input type="checkbox"/>                                        |
| Các hình thức liên lạc                    | Thông tin nhận biết về các thành viên tham gia dự án, cơ quan/tổ chức đại diện và cá nhân đại diện cho các đơn vị bao gồm chữ ký mẫu, chức vụ và thông tin về đại diện có thẩm quyền cần được liệt kê trong mẫu về các hình thức liên lạc.                                                                                   | <input type="checkbox"/>                                        |
|                                           | Mẫu phương thức công bố thông tin phải được hoàn thành một cách chính xác và theo đúng thẩm quyền.                                                                                                                                                                                                                           | <input type="checkbox"/>                                        |
| Tránh đăng ký trùng lặp                   | Dự án đăng ký thực hiện theo Cơ chế ... không được đăng ký tham gia vào bất kỳ cơ chế giảm phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác.                                                                                                                                                                                          | <input type="checkbox"/>                                        |
| Thời điểm bắt đầu thực hiện               | ....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <input type="checkbox"/>                                        |

Đại diện có thẩm quyền (chính thức):

Ông ☐Bà ☐

|          |                            |
|----------|----------------------------|
| Họ:      | Tên:                       |
| Chức vụ: |                            |
| Chữ ký:  | Ngày ... tháng ... năm ... |

### B. Nhóm công tác thực hiện việc công nhận và chuyên gia

|                                                             | Thành viên | Cơ quan | Chức vụ | Kinh nghiệm về các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon* | Trình độ chuyên môn* | Kinh nghiệm thực tế      |
|-------------------------------------------------------------|------------|---------|---------|-------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------|
| Ông <input type="checkbox"/><br>Bà <input type="checkbox"/> |            |         |         | <input type="checkbox"/>                                    |                      | <input type="checkbox"/> |
| Ông <input type="checkbox"/><br>Bà <input type="checkbox"/> |            |         |         | <input type="checkbox"/>                                    |                      | <input type="checkbox"/> |
| Ông <input type="checkbox"/><br>Bà <input type="checkbox"/> |            |         |         | <input type="checkbox"/>                                    |                      | <input type="checkbox"/> |

### C. Hình thức xác nhận, kết quả và kết luận dựa vào quy định về báo cáo

#### C.1. Biểu mẫu về tài liệu thiết kế dự án (PDD)

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

#### C.2. Mô tả dự án

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

#### C.3. Áp dụng (các) phương pháp đã phê duyệt

<Hình thức xác nhận>

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.4. Nguồn phát thải và tính toán lượng giảm phát thải

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.5. Đánh giá tác động môi trường

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.6. Tham vấn các bên liên quan tại địa phương

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.7. Tổ chức giám sát

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.8. Các phương thức công bố thông tin

**<Hình thức xác nhận>**



**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.9. Tránh đăng ký trùng lặp

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.10. Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.11. Các vấn đề khác

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### **D. Thông tin về ý kiến công chúng**

##### D.1. Tóm tắt các ý kiến công chúng

|  |
|--|
|  |
|--|

##### D.2. Tóm tắt quá trình xử lý dữ liệu thu nhận của các thành viên tham gia dự án

|  |
|--|
|  |
|--|

#### **E. Danh sách đối tượng thực hiện phỏng vấn và các tài liệu được cung cấp**

## E.1. Danh sách đối tượng thực hiện phỏng vấn

|  |
|--|
|  |
|--|

## E.2. Danh sách tài liệu được cung cấp

|  |
|--|
|  |
|--|

**Phụ lục: Bảng cấp và Sơ yếu lý lịch các thành viên tham gia Nhóm thực hiện thẩm định dự án của Đơn vị thẩm định độc lập**

*Đính kèm chứng chỉ và sơ yếu lý lịch của các thành viên nhóm thẩm định, các chuyên gia kỹ thuật và phản biện nội bộ của Đơn vị thẩm định độc lập.*

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../QĐ-...

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt đăng ký dự án tạo tín chỉ các-bon****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN...***Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số.../NĐ-CP ngày.... tháng.... năm... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ ... ;**Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;**Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;**Xét đề nghị đăng ký dự án tại Công văn/văn bản số... ngày... tháng... năm...của (1);**Theo đề nghị của .....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt dự án với thông tin như sau:

- Tên dự án: .....
- Tên cơ quan, tổ chức đề xuất đăng ký dự án:.....
- Thông tin chi tiết dự án tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Dự án nêu tại Điều 1 được đăng ký tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ trong nước.**Nơi nhận:**

- Nơi nhận khác (nếu có);
- Lưu:...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***Ghi chú:****(1)** Tên tổ chức đăng ký dự án.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Thay đổi thành phần tham gia dự án**

Kính gửi: .....

*(Ghi tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước)*

Tên tổ chức đại diện đề nghị: .....

Đại diện cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị: .....

Chức vụ: .....

Mã đăng ký doanh nghiệp: .....

Mã số thuế cơ quan/tổ chức: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: .....

**I. Thông tin dự án**

1. Tên đầy đủ của dự án:

.....

2. Mã dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước: .....

**II. Đề nghị thay đổi**

1. Thông tin thành phần thay đổi:

.....

*(Ghi rõ đầu mối liên hệ, đại diện có thẩm quyền chính thức)*

2. Lý do thay đổi thành phần dự án:

.....

3. Tác động tới hoạt động của dự án khi thay đổi thành phần *(nếu có)*:

.....

.....

.....

.....

.....

### III. Hồ sơ kèm theo

1 .....

2 .....

3 .....

*(Liệt kê đầy đủ tài liệu trong hồ sơ đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo danh mục Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 7 Điều 20 Nghị định này và các tài liệu khác, nếu có)*

Các tổ chức chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các quy định về cung cấp thông tin và cam kết hoàn thành các nghĩa vụ phát sinh do quyết định điều chỉnh thành phần tham gia dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị (tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị) xem xét, điều chỉnh thành phần dự án.

*(Địa danh), ngày ..... tháng ..... năm .....*

**TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC**

*(Đại diện cơ quan, tổ chức ký,  
ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Hủy đăng ký dự án**

Kính gửi: .....

*(Ghi tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước)***I. Thông tin dự án đã đăng ký**

1. Tên đầy đủ của dự án: .....
2. Mã dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước: .....
3. Lĩnh vực giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của dự án: .....
4. Đơn vị thẩm định tài liệu dự án:
  - Tên đơn vị thẩm định: .....
  - Mã đăng ký doanh nghiệp: .....
  - Mã số thuế cơ quan/tổ chức: .....
5. Ngày đơn vị thẩm định hoàn thành báo cáo thẩm định tài liệu dự án: ....
6. Ngày được phê duyệt đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước: .....
7. Ngày được phê duyệt điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước gần nhất (nếu có): .....

**II. Thông tin tổ chức đại diện của dự án**

1. Tên tổ chức đại diện đề nghị: .....
2. Người có thẩm quyền thay mặt cho tổ chức đại diện đề nghị: .....; chức vụ: .....
3. Mã đăng ký doanh nghiệp: .....
4. Mã số thuế của tổ chức: .....
5. Thông tin liên hệ:
  - Địa chỉ liên hệ: .....
  - Điện thoại: .....
  - Fax: .....

- Email: .....

### III. Thông tin đề nghị

Đề nghị (tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị) xem xét hủy đăng ký dự án (tên dự án) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.

Lý do đề nghị hủy đăng ký dự án: .....

### IV. Hồ sơ kèm theo

1. ....

2. ....

3. ....

(Liệt kê đầy đủ tài liệu trong hồ sơ đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo danh mục Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 8 Điều 20 Nghị định này; trường hợp lý do đề nghị hủy đăng ký dự án do đơn vị thẩm định sửa đổi nội dung thẩm định tài liệu dự án, đề nghị cung cấp báo cáo thẩm định sửa đổi)

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các quy định về cung cấp thông tin, hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết và trách nhiệm với các bên liên quan theo quy định của pháp luật do quyết định hủy đăng ký dự án.

(Địa danh), ngày ..... tháng ..... năm .....

**TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC**

(Đại diện cơ quan, tổ chức ký,  
ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../

(Địa danh), ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp tín chỉ các-bon**

Kính gửi: .....

*(Ghi tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước)***I. Thông tin dự án đã đăng ký**

1. Tên đầy đủ của dự án: .....
2. Mã dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước: .....
3. Lĩnh vực giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của dự án: .....
4. Đơn vị thẩm định tài liệu dự án:
  - Tên đơn vị thẩm định: .....
  - Mã đăng ký doanh nghiệp: .....
  - Mã số thuế cơ quan/tổ chức: .....
5. Ngày đơn vị thẩm định hoàn thành báo cáo thẩm định tài liệu dự án: ....
6. Ngày được phê duyệt đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước: .....
7. Ngày được phê duyệt điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước gần nhất (nếu có): .....
8. Lượng giảm phát thải dự kiến từ dự án:
9. Thành phần tham gia dự án theo phê duyệt đăng ký/phê duyệt điều chỉnh dự án gần nhất và thông tin số tài khoản của các tổ chức tham gia dự án trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon:  
*(Liệt kê đầy đủ thành phần tham gia dự án)*

| TT  | Tên tổ chức tham gia dự án | Trụ sở của tổ chức tham gia dự án | Mã số doanh nghiệp, mã số thuế của tổ chức tham gia dự án | Số tài khoản tín chỉ của tổ chức trên Hệ thống đăng ký quốc gia |
|-----|----------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1   |                            |                                   |                                                           |                                                                 |
| 2   |                            |                                   |                                                           |                                                                 |
| 3   |                            |                                   |                                                           |                                                                 |
| ... |                            |                                   |                                                           |                                                                 |

10. Giai đoạn nhận tín chỉ của dự án: từ tháng .../năm ... đến tháng .../ năm ...



11. Niên hạn của tín chỉ (chọn loại niên hạn 05 năm hoặc 10 năm):

- Bắt đầu: ngày/tháng/năm;
- Kết thúc: ngày/tháng/năm.

## II. Thông tin tổ chức đại diện của dự án

1. Tên tổ chức đại diện đề nghị: .....

2 Người có thẩm quyền thay mặt cho tổ chức đại diện đề nghị: .....;  
chức vụ: .....

3. Mã đăng ký doanh nghiệp: .....

4. Mã số thuế của tổ chức: .....

5. Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ liên hệ: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

- Email: .....

## III. Thông tin thẩm định báo cáo kết quả giảm nhẹ của dự án

1. Thông tin đơn vị thẩm định kết quả giảm nhẹ của dự án :

- Tên đơn vị thẩm định: .....

- Mã đăng ký doanh nghiệp: .....

- Mã số thuế cơ quan/tổ chức: .....

2. Ngày đơn vị thẩm định hoàn thành báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ của dự án cho giai đoạn đề nghị cấp tín chỉ: .....

3. Tổng lượng giảm phát thải khí nhà kính được xác minh: *(Ghi rõ lượng giảm phát thải khí nhà kính được xác minh theo từng năm)*

|           | <b>Lượng giảm phát thải khí nhà kính được xác minh</b><br>(tấn CO <sub>2</sub> tương đương) |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm 20... |                                                                                             |
| Năm 20... |                                                                                             |
| ...       |                                                                                             |

## IV. Đề nghị

1. Cấp tín chỉ cho dự án

Đề nghị *(tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị)* xem xét cấp tín chỉ cho *(tên dự án)* theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước cho (giai đoạn đề nghị cấp tín chỉ) theo đề xuất như sau:

|           | <b>Lượng giảm phát thải khí nhà kính được đơn vị thẩm định xác minh</b><br>(tấn CO <sub>2</sub> tương đương) | <b>Lượng tín chỉ đề nghị cấp cho dự án</b><br>(tín chỉ) |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Năm 20... |                                                                                                              |                                                         |
| Năm 20... |                                                                                                              |                                                         |
| ...       |                                                                                                              |                                                         |

## 2. Cấp tín chỉ cho các tổ chức tham gia dự án theo đề xuất phân bổ

Đề nghị (*tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị*) xem xét cấp tín chỉ của (*tên dự án*) cho các tổ chức tham gia dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước cho (giai đoạn đề nghị cấp tín chỉ) theo đề xuất phân bổ tín chỉ như sau:

|             | <b>Lượng giảm phát thải khí nhà kính được đơn vị thẩm định xác minh</b><br>(tấn CO <sub>2</sub> tương đương) | <b>Tổ chức A</b><br>(tín chỉ) | <b>Tổ chức B</b><br>(tín chỉ) | <b>Tổ chức C</b><br>(tín chỉ) |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Năm 20...   |                                                                                                              |                               |                               |                               |
| Năm 20...   |                                                                                                              |                               |                               |                               |
| ...         |                                                                                                              |                               |                               |                               |
| <b>Tổng</b> |                                                                                                              |                               |                               |                               |

## V. Hồ sơ kèm theo

1. ....
2. ....
3. ....

(*Liệt kê đầy đủ tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp tín chỉ cho dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước theo danh mục hồ sơ quy định tại điểm a khoản 9 Điều 20 Nghị định này*).

## VI. Xác nhận đồng thuận của các tổ chức tham gia dự án về đề nghị cấp tín chỉ

| <b>Tên tổ chức</b> | <b>Xác nhận đồng thuận về đề nghị cấp tín chỉ</b><br>( <i>Đại diện hợp pháp của tất cả các tổ chức tham gia dự án ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu</i> ) |
|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tổ chức A          |                                                                                                                                                                |
| Tổ chức B          |                                                                                                                                                                |
| Tổ chức C          |                                                                                                                                                                |
| ...                |                                                                                                                                                                |

Chúng tôi xin cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các quy định về cung cấp thông tin.

*(Địa danh), ngày ..... tháng ..... năm .....*

**TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC**

*(Đại diện cơ quan, tổ chức ký,  
ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**BÁO CÁO GIÁM SÁT DỰ ÁN****1. Các thông số được giám sát**

| (a)                  | (b)               | (c)           | (d)                  | (e)    | (f)               | (g)           | (h)                                 | (i)               | (j)     |
|----------------------|-------------------|---------------|----------------------|--------|-------------------|---------------|-------------------------------------|-------------------|---------|
| Thứ tự điểm giám sát | Thông số giám sát | Mô tả dữ liệu | Các giá trị ước tính | Đơn vị | Lựa chọn giám sát | Nguồn dữ liệu | Các phương thức và cách thức đo đạc | Tần suất giám sát | Ghi chú |
|                      |                   |               |                      |        |                   |               |                                     |                   |         |
|                      |                   |               |                      |        |                   |               |                                     |                   |         |
|                      |                   |               |                      |        |                   |               |                                     |                   |         |

**2. Các thông số đặc trưng của dự án được mặc định trước**

| (a)      | (b)           | (c)                  | (d)    | (e)           | (f)     |
|----------|---------------|----------------------|--------|---------------|---------|
| Thông số | Mô tả dữ liệu | Các giá trị ước tính | Đơn vị | Nguồn dữ liệu | Ghi chú |
|          |               |                      |        |               |         |
|          |               |                      |        |               |         |
|          |               |                      |        |               |         |

**3. Ước lượng trước lượng giảm khí nhà kính**

|                                      |                          |
|--------------------------------------|--------------------------|
| Lượng giảm phát thải CO <sub>2</sub> | Đơn vị                   |
|                                      | Tấn CO <sub>2</sub> /năm |

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ GIẢM NHẸ DỰ ÁN****A. Tóm tắt nội dung****A.1. Thông tin chung**

|                                                                             |  |
|-----------------------------------------------------------------------------|--|
| Tên dự án:                                                                  |  |
| Số ký hiệu:                                                                 |  |
| Đơn vị thẩm định độc lập:                                                   |  |
| Thành viên tham gia dự án đại diện ký hợp đồng với Đơn vị thẩm định độc lập |  |
| Ngày lập báo cáo:                                                           |  |

**A.2. Kết luận về quá trình xác minh**

|                                   |                                                                        |
|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Đánh giá chung về thẩm định dự án | <input type="checkbox"/> Tích cực<br><input type="checkbox"/> Tiêu cực |
|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------|

**A.3. Tóm tắt các kết luận về quá trình thẩm định**

*Kết quả thẩm định dự án chỉ được đánh giá tích cực khi tất cả các ô vuông đều được đánh dấu*

| <b>Nội dung thực hiện</b>                    | <b>Nội dung thẩm định</b>                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>Không còn đề nghị sửa đổi (CAR) hoặc đề nghị làm rõ (CL)</b> |
|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Hoàn thành Mẫu tài liệu thiết kế dự án (PDD) | Đơn vị thẩm định làm nhiệm vụ thẩm tra việc hoàn thành Mẫu tài liệu thiết kế dự án có theo đúng mẫu quy định, phù hợp với loại dự án, và tuân thủ Hướng dẫn xây dựng Mẫu tài liệu thiết kế dự án trong Cơ chế ..., Hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo giám sát hay không? | <input type="checkbox"/>                                        |
| Mô tả dự án                                  | Phần mô tả dự án đề xuất trong Mẫu tài liệu thiết kế dự án có đảm bảo tính chính xác, hoàn thiện và bao quát hay không?                                                                                                                                                       | <input type="checkbox"/>                                        |
| Áp dụng (các) phương pháp đã phê duyệt       | Phương pháp được lựa chọn áp dụng có phù hợp với các điều kiện của dự án hay không? Và phiên bản áp dụng có còn hiệu lực tại thời điểm đệ trình để thực hiện xác minh dự án hay không?                                                                                        | <input type="checkbox"/>                                        |
| Nguồn phát thải và tính toán lượng           | Các nguồn phát thải khí nhà kính sử dụng để tính toán lượng phát thải của dự án và phát thải tham chiếu có được liệt kê đầy đủ hay không?                                                                                                                                     | <input type="checkbox"/>                                        |

| Nội dung thực hiện                        | Nội dung thẩm định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Không còn đề nghị sửa đổi (CAR) hoặc đề nghị làm rõ (CL) |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| giảm phát thải                            | Các giá trị mặc định (tính toán trước) cho các thông số của dự án được liệt kê trong Mẫu giám sát có phù hợp hay không (nếu áp dụng)?                                                                                                                                                                                                            | <input type="checkbox"/>                                 |
| Đánh giá tác động môi trường              | Trong trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), các thành viên tham gia dự án đã thực hiện ĐTM theo đúng quy định của Việt Nam hay chưa?                                                                                                                                                                                   | <input type="checkbox"/>                                 |
| Tham vấn các bên liên quan tại địa phương | Các thành viên tham gia dự án phải thực hiện quá trình tham vấn các bên liên quan tại địa phương nhằm gắn kết sự tham gia của các Bên và tập hợp ý kiến đóng góp cho dự án được đề xuất.                                                                                                                                                         | <input type="checkbox"/>                                 |
| Tổ chức giám sát                          | Phần mô tả về kế hoạch giám sát (sử dụng Mẫu kế hoạch giám sát và Cơ cấu tổ chức giám sát) phải dựa theo phương pháp đã phê duyệt và/hoặc Hướng dẫn về xây dựng Mẫu tài liệu thiết kế dự án, Kế hoạch giám sát và Báo cáo giám sát.<br>Các điểm giám sát đo đạc và việc lắp đặt thiết bị (trong trường hợp cần thiết) phải đảm bảo tính phù hợp. | <input type="checkbox"/>                                 |
| Ý kiến công chúng                         | Các thành viên tham gia dự án đảm bảo dữ liệu điền vào Mẫu tài liệu thiết kế dự án có theo đúng Hướng dẫn thủ tục về chu trình dự án.                                                                                                                                                                                                            | <input type="checkbox"/>                                 |
| Các hình thức liên lạc                    | Thông tin nhận biết về các thành viên tham gia dự án, cơ quan/tổ chức đại diện và cá nhân đại diện cho các đơn vị bao gồm chữ ký mẫu, chức vụ và thông tin về đại diện có thẩm quyền cần được liệt kê trong Mẫu về các hình thức liên lạc.                                                                                                       | <input type="checkbox"/>                                 |
|                                           | Mẫu phương thức công bố thông tin phải được hoàn thành một cách chính xác và theo đúng thẩm quyền.                                                                                                                                                                                                                                               | <input type="checkbox"/>                                 |
| Tránh đăng ký trùng lặp                   | Dự án đăng ký thực hiện theo Cơ chế ... không được đăng ký tham gia vào bất kỳ cơ chế giảm phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác.                                                                                                                                                                                                              | <input type="checkbox"/>                                 |
| Thời điểm bắt đầu thực hiện               | Thời điểm bắt đầu dự án theo Cơ chế ... không được diễn ra trước ngày ... tháng ... năm ...                                                                                                                                                                                                                                                      | <input type="checkbox"/>                                 |

|                                             |                                                          |
|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| <b>Đại diện có thẩm quyền (chính thức):</b> | Ông <input type="checkbox"/> Bà <input type="checkbox"/> |
| Họ:                                         | Tên:                                                     |

|          |                            |
|----------|----------------------------|
| Chức vụ: |                            |
| Chữ ký:  | Ngày ... tháng ... năm ... |

|                                                                |
|----------------------------------------------------------------|
| <b>B. Nhóm công tác thực hiện việc công nhận và chuyên gia</b> |
|----------------------------------------------------------------|

|                                                             | Thành viên | Cơ quan | Chức vụ | Kinh nghiệm về các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon | Trình độ chuyên môn | Kinh nghiệm thực tế      |
|-------------------------------------------------------------|------------|---------|---------|------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------|
| Ông <input type="checkbox"/><br>Bà <input type="checkbox"/> |            |         |         | <input type="checkbox"/>                                   |                     | <input type="checkbox"/> |
| Ông <input type="checkbox"/><br>Bà <input type="checkbox"/> |            |         |         | <input type="checkbox"/>                                   |                     | <input type="checkbox"/> |
| Ông <input type="checkbox"/><br>Bà <input type="checkbox"/> |            |         |         | <input type="checkbox"/>                                   |                     | <input type="checkbox"/> |

|                                                                               |
|-------------------------------------------------------------------------------|
| <b>C. Hình thức xác nhận, kết quả và kết luận dựa vào quy định về báo cáo</b> |
|-------------------------------------------------------------------------------|

C.1. Biểu mẫu về tài liệu thiết kế dự án (PDD)

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.2. Mô tả dự án

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.3. Áp dụng (các) phương pháp đã phê duyệt

<Hình thức xác nhận>

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.4. Nguồn phát thải và tính toán lượng giảm phát thải

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.5. Đánh giá tác động môi trường

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.6. Tham vấn các bên liên quan tại địa phương

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.7. Tổ chức giám sát

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.8. Các phương thức công bố thông tin

**<Hình thức xác nhận>**



**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.9. Tránh đăng ký trùng lặp

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.10. Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

#### C.11. Các vấn đề khác

**<Hình thức xác nhận>**

**< Kết quả >**

**< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >**

### **D. Thông tin về ý kiến công chúng**

#### D.1. Tóm tắt các ý kiến công chúng

|  |
|--|
|  |
|--|

#### D.2. Tóm tắt quá trình xử lý dữ liệu thu nhận của các thành viên tham gia dự án

|  |
|--|
|  |
|--|

### **E. Danh sách đối tượng thực hiện phỏng vấn và các tài liệu được cung cấp**

## E.1. Danh sách đối tượng thực hiện phỏng vấn

|  |
|--|
|  |
|--|

## E.2. Danh sách tài liệu được cung cấp

|  |
|--|
|  |
|--|

**Phụ lục: Bảng cấp hoặc Sơ yếu lý lịch các thành viên tham gia Nhóm thực hiện thẩm định dự án của Đơn vị thẩm định độc lập, các chuyên gia và kiểm soát kỹ thuật nội bộ**

*Đính kèm chứng chỉ và sơ yếu lý lịch của các thành viên nhóm thẩm định của Đơn vị thẩm định, các chuyên gia kỹ thuật và phản biện nội bộ của Đơn vị thẩm định*

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Chấp thuận đăng ký chương trình, dự án theo  
cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Tên doanh nghiệp: .....

Tên chương trình/dự án:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:.....

Email:.....

Xin gửi đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường những hồ sơ sau:

- Tài liệu chương trình/dự án;

- Báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thẩm định chương trình/dự án của cơ quan  
thẩm định độc lập;- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy phép và văn  
bản có liên quan đến hoạt động chuyên môn của chương trình/dự án theo quy định  
hiện hành;Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các  
văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm  
trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét và chấp thuận chương  
trình/dự án nêu trên.

(Địa danh), ngày...tháng...năm .....

**TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC**

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày ... tháng... năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ****Chuyển đổi chương trình/dự án theo Cơ chế phát triển sạch  
sang Cơ chế Điều 6.4 của thỏa thuận Paris**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**I. Thông tin về tổ chức đại diện đề nghị**

1. Tên tổ chức đại diện đề nghị: .....
2. Mã đăng ký doanh nghiệp: .....
3. Mã số thuế cơ quan/tổ chức: .....
4. Người đại diện cơ quan/tổ chức đại diện: ..... Chức vụ: .....
- CCCD/Hộ chiếu số: .....
5. Địa chỉ trụ sở: .....
6. Địa chỉ liên hệ: .....
7. Điện thoại liên hệ: .....
8. Fax: .....
9. Email: .....

**II. Thông tin về tổ chức khác tham gia chương trình/dự án** (ghi rõ tên các cơ quan/tổ chức tham gia dự án, mã đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở của cơ quan/tổ chức tham gia dự án)

**III. Nội dung đề nghị**

Đề nghị đăng ký chuyển đổi chương trình/dự án để thực hiện theo Cơ chế Điều 6.4 của Thỏa thuận Paris với những thông tin sau:

1. Tên đầy đủ, mã đăng ký của chương trình/dự án theo Cơ chế CDM:

.....

2. Địa điểm thực hiện chương trình/dự án:

.....

3. Thời gian bắt đầu thực hiện chương trình/dự án:

.....

4. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án:

.....

5. Dự kiến lượng giảm phát thải khí nhà kính từ chương trình/dự án:  
 .....; lượng tín chỉ quy đổi:  
 .....

#### **IV. Các văn bản, tài liệu kèm theo**

Hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước bao gồm:

1. Đơn đề nghị chuyển đổi của chương trình/dự án và các tài liệu khác có liên quan đã gửi cho Ban chấp hành quốc tế của CDM để đăng ký chuyển đổi; *(Mẫu đơn do Ban thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu ban hành tại phụ lục hướng dẫn quy trình chuyển đổi các dự án CDM sang Cơ chế 6.4).*

2. Thư xác nhận đăng ký chuyển đổi dự án của Ban chấp hành quốc tế của CDM *(Liệt kê các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xác nhận theo danh mục Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 6 Điều 20 Nghị định này).*

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực và độ chính xác của các thông tin, trong các tài liệu nêu trên theo pháp luật của Việt Nam và quy định quốc tế.

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét chấp thuận cho phép chuyển đổi chương trình/dự án sang Cơ chế Điều 6.4 của Thỏa thuận Paris.

#### **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
 chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày ... tháng... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon/  
kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị định số ...../20.../NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm .... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét chấp thuận chuyển giao quốc tế lượng tín chỉ các-bon, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính với thông tin như sau:

**I. Thông tin bên đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon/kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

1. Tên công ty/tổ chức viết bằng tiếng Việt: .....
2. Tên công ty/tổ chức viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....
3. Giấy phép kinh doanh số: .....
4. Mã số thuế doanh nghiệp: .....
5. Đại diện cơ quan/tổ chức: .....
6. Chức vụ: .....
7. Địa chỉ: .....
8. Điện thoại: ..... Fax: .....
9. Email: .....

**II. Thông tin về dự án có tín chỉ các-bon/kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế**

1. Tên đầy đủ, mã đăng ký của chương trình/dự án: .....  
.....
2. Tên cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon dự án đăng ký: .....  
.....
3. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của dự án: .....
4. Thời gian đăng ký thực hiện dự án: .....

5. Tổng lượng tín chỉ dự kiến được phân bổ từ chương trình, dự án: .....
6. Lượng tín chỉ đã được cấp của chương trình, dự án (nếu có): .....
- Số seri tín chỉ (nếu có): .....
- Cơ quan cấp tín chỉ (nếu có): .....

### **III. Thông tin bên nhận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon/kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

1. Tên cơ quan/tổ chức: .....
2. Mã số đăng ký doanh nghiệp tại quốc gia sở tại: .....
3. Người đại diện cơ quan/tổ chức: .....
4. Địa chỉ: .....
5. Quốc gia: .....
6. Điện thoại: .....
7. Fax (nếu có): .....
8. Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....
9. Mục đích sử dụng lượng chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon: .....

### **IV. Đề nghị chấp thuận**

Lượng tín chỉ các-bon/kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính chuyển giao quốc tế: ..... (số lượng)..... từ số seri (số seri bắt đầu của lượng tín chỉ) đến số seri ... trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon phục vụ (nêu rõ mục đích sử dụng lượng chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon) .....

Cơ quan/Tổ chức chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các quy định về yêu cầu đối với các thông tin đã cung cấp.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét chấp thuận chuyển giao quốc tế lượng tín chỉ các-bon từ dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.

*(Địa danh), ngày...tháng...năm .....*

**TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO****Cung cấp thông tin dự án theo cơ chế trao đổi,  
bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**I. Thông tin chủ chương trình/dự án**

1. Tên chủ chương trình/dự án viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

.....  
Tên chủ chương trình/dự án viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....  
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax (nếu có): .....

4. Email: ..... Website (nếu có): .....

5. Giấy phép kinh doanh số: .....

6. Mã số thuế doanh nghiệp: .....

**II. Thông tin về chương trình, dự án**

1. Tên đầy đủ, mã đăng ký của chương trình/dự án: .....

2. Tên cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon chương trình/dự án đăng ký:

.....  
3. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án:.....  
4. Tên và mã đăng ký doanh nghiệp của đơn vị thẩm định tài liệu dự án:.....  
5. Ngày được phê duyệt đăng ký thực hiện chương trình/dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon: .....

6. Ngày được phê duyệt điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon gần nhất (nếu có): .....

7. Thành phần tham gia dự án theo phê duyệt đăng ký/phê duyệt điều chỉnh dự án gần nhất (*Liệt kê đầy đủ thành phần tham gia dự án*):



.....  
 .....  
 8. Tổng lượng tín chỉ dự kiến từ chương trình, dự án: ..... (số tín chỉ):  
 .....

9. Lượng tín chỉ đã được cấp của chương trình, dự án (nếu có): .....

- Số seri tín chỉ (bắt đầu, kết thúc) đã được cấp (nếu có): .....

- Cơ quan cấp tín chỉ: .....

- Tên và mã đăng ký doanh nghiệp của đơn vị thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính từ dự án: .....

### **III. Hồ sơ kèm theo**

1. Tài liệu chương trình/dự án đã được đăng ký;

2. Thông tin về các bên tham gia dự án;

3. Báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thẩm định chương trình/dự án của đơn vị thẩm định độc lập;

4. Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy phép và văn bản có liên quan đến hoạt động chuyên môn của chương trình/dự án theo quy định hiện hành;

5. Tài liệu khác (nếu có).....

*(Thành phần hồ sơ báo cáo cung cấp thông tin tình hình dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20a Nghị định này)*

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*(Địa danh), ngày...tháng...năm .....*

**TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO****Tình hình thực hiện dự án theo cơ chế trao đổi,  
bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**I. Thông tin chủ đầu tư dự án**

1. Tên chủ chương trình/dự án viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên chủ chương trình/dự án viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):  
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax (nếu có): .....

4. Địa chỉ thư điện tử (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

5. Giấy phép kinh doanh số: .....

6. Mã số thuế doanh nghiệp: .....

**II. Thông tin về chương trình, dự án**1. Tên đầy đủ, mã đăng ký của chương trình/dự án:  
.....

2. Tên cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon chương trình/dự án đăng ký:.....

3. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án: .....

4. Tên và mã đăng ký doanh nghiệp của đơn vị thẩm định tài liệu dự án:  
.....

5. Ngày được phê duyệt đăng ký thực hiện chương trình/dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon: .....

6. Ngày được phê duyệt điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon gần nhất (nếu có): .....

7. Thành phần tham gia dự án theo phê duyệt đăng ký/phê duyệt điều chỉnh dự án gần nhất (Liệt kê đầy đủ thành phần tham gia dự án):  
.....

8. Tổng lượng tín chỉ dự kiến từ chương trình, dự án: ..... (số tín chỉ).....

9. Niên hạn của tín chỉ: .....

10. Giai đoạn nhận tín chỉ của chương trình/dự án theo ... (tên cơ chế)...

11. Tổng lượng tín chỉ đã được cấp của chương trình, dự án (nếu có):

.....

- Số seri tín chỉ (bắt đầu, kết thúc) đã được cấp (nếu có):.....

- Cơ quan cấp tín chỉ: .....

- Tên và mã đăng ký doanh nghiệp của đơn vị thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính từ dự án: .....

12. Tổng lượng tín chỉ đã trao đổi: ..... (số tín chỉ) .....

### **III. Hồ sơ kèm theo**

1. Tài liệu thiết kế dự án đã được đăng ký;

2. Biểu mẫu giám sát;

3. Tài liệu khác (nếu có).....

(Thành phần hồ sơ báo cáo cung cấp thông tin tình hình dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm b khoản 4 Điều 20a Nghị định)

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(Địa danh), ngày...tháng...năm .....

**TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC**

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**DANH MỤC BIỆN PHÁP, HOẠT ĐỘNG KHUYẾN KHÍCH THỰC HIỆN  
GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN THEO  
CƠ CHẾ TRAO ĐỔI, BÙ TRỪ TÍN CHỈ CÁC-BON QUỐC TẾ**

1. Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các phân ngành công nghiệp (trừ 03 phân ngành sản xuất gạch, xi măng và sắt thép).
2. Đầu tư, khai thác vận hành tuyến đường sắt điện khí hóa.
3. Đầu tư, khai thác vận hành dịch vụ vận tải công-ten-nơ bằng đường thủy nội địa, đường ven biển.
4. Đầu tư, khai thác vận hành dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ bằng xe ô tô điện.
5. Sử dụng các thiết bị điện hiệu suất cao trong dịch vụ, thương mại bao gồm làm mát và làm lạnh.
6. Phát triển điện gió trên bờ.
7. Phát triển điện gió ngoài khơi.
8. Phát triển nhiệt điện sinh khối.
9. Phát triển điện rác.
10. Phát triển tua-bin khí hỗn hợp sử dụng LNG.
11. Phát triển công nghệ nhiệt điện trên siêu tới hạn.
12. Cải thiện khẩu phần ăn của bò sữa.
13. Cải thiện khẩu phần ăn của bò.
14. Cải thiện khẩu phần ăn của trâu.
15. Tuần hoàn chất thải nông nghiệp (phế phụ phẩm làm phân hữu cơ).
16. Thay phân đạm bằng các loại phân chậm tan, phân phân giải có kiểm soát và phân đạm thông.
17. Tưới khô ướt xen kẽ và hệ thống canh tác lúa cải tiến (tại vùng có cơ sở hạ tầng trung bình).
18. Tưới khô ướt xen kẽ và hệ thống canh tác lúa cải tiến (tại vùng có cơ sở hạ tầng kém).
19. Hiện đại hóa tưới nước và bón phân cho cây dài ngày.
20. Tuần hoàn chất thải nông nghiệp (chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ).

21. Hàm khí sinh học.
22. Bón phân compost + Nông nghiệp hữu cơ.
23. Xử lý kỵ khí có thu hồi mê-tan cho phát điện.
24. Giảm phát thải mê-tan từ bãi chôn lấp bằng cách đốt phát điện.
25. Chôn lấp bán hiếu khí.
26. Tối ưu hóa điều kiện xử lý nước thải sinh hoạt.
27. Ứng dụng công nghệ sinh học để loại bỏ  $\text{CH}_4$  từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt.
28. Tối ưu hóa điều kiện xử lý nước thải công nghiệp.
29. Thu hồi khí  $\text{CH}_4$  từ xử lý nước thải công nghiệp.
30. Áp dụng công nghệ tốt nhất để giảm phát thải trong ngành thép (cải tiến công nghệ BOF).
31. Sử dụng môi chất lạnh thân thiện với khí hậu.
32. Các công nghệ tốt nhất hiện có nhằm giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực, hoạt động khó thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.
33. Hoạt động ưu tiên ký kết của Chính phủ với quốc tế.

**Phụ lục VI<sup>42</sup>**  
**MẪU VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ BẢO VỆ TẦNG Ô-DÔN**  
*(Kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP  
 ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

|                          |                                                                                                                                                                                               |
|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mẫu số 01 <sup>43</sup>  | Mẫu đơn đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát                                                                                                                                               |
| Mẫu số 02 <sup>44</sup>  | Mẫu báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát                                                                                                                                         |
| Mẫu số 03A <sup>45</sup> | Mẫu quyết định về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal               |
| Mẫu số 03B <sup>46</sup> | Mẫu quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal |

<sup>42</sup> Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm đ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>43</sup> Mẫu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi bởi Mẫu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm đ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>44</sup> Mẫu số 02 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi bởi Mẫu số 02 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm đ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>45</sup> Mẫu số 03A Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi bởi Mẫu số 03A Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm đ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>46</sup> Mẫu số 03B Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi bởi Mẫu số 03A Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm đ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

|                              |                                                                                                                                                                                            |
|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mẫu số 04 <sup>47</sup>      | Mẫu đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát                                                                                                  |
| Mẫu số 05A <sup>48</sup>     | Mẫu thông báo về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát                                                                                                        |
| Mẫu số 05B <sup>49</sup>     | Mẫu thông báo về việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát                                                                                            |
| Mẫu số 06                    | Mẫu quyết định về việc hủy phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát                                                                                                   |
| Mẫu số 07                    | Mẫu cung cấp thông tin, dữ liệu về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát                                                                             |
| Mẫu số 08                    | Mẫu cung cấp thông tin, dữ liệu hải quan về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát                                                                    |
| Danh mục số 01 <sup>50</sup> | Danh mục các chất được kiểm soát cấm sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ theo cam kết thực hiện điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên |
| Biểu số 01 <sup>51</sup>     | Lộ trình áp dụng giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu đối với chất được kiểm soát có chứa trong hoặc được sử dụng để sản xuất thiết bị, sản phẩm                                        |

<sup>47</sup> Mẫu số 04 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi bởi Mẫu số 04 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm đ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>48</sup> Mẫu số 05A Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi bởi Mẫu số 05A Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm đ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>49</sup> Mẫu số 05B Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi bởi Mẫu số 05B Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại điểm đ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>50</sup> Danh mục số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

<sup>51</sup> Biểu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐĂNG KÝ  
SỬ DỤNG CÁC CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, (tên tổ chức) đăng ký sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal với thông tin như sau:

**1. Thông tin về tổ chức**

- Tên đầy đủ của tổ chức: .....
- Mã số doanh nghiệp: .....
- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức: ..... Chức vụ: .....
- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: .....
- Địa chỉ liên hệ: ..... Điện thoại: .....
- Fax: ..... Địa chỉ thư điện tử: .....

**2. Nội dung đăng ký**

a) Lĩnh vực sử dụng chất được kiểm soát:

- ☐ Sản xuất chất được kiểm soát;
- ☐ Nhập khẩu chất được kiểm soát;
- ☐ Xuất khẩu chất được kiểm soát;
- ☐ Sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát;
- ☐ Nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát;



☐ Sở hữu máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định từ 26,5 kW (90.000 BTU/h) trở lên;

☐ Sở hữu thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện từ 40 kW trở lên;

☐ Thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất được kiểm soát.

b) Thông tin sử dụng chất được kiểm soát:

(Thông tin cụ thể cung cấp trong các bảng 1 - 4 kèm theo)

**3. Tài liệu kèm theo Đơn đăng ký** (liệt kê các tài liệu kèm theo, nếu có)

.....  
 .....  
 .....

Các thông tin trên được đăng ký trên nhu cầu sử dụng thực tế của (Tên tổ chức đăng ký).

(Tên tổ chức đăng ký) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đăng ký này và tài liệu kèm theo.

*(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...*

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ**

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh  
và đóng dấu nếu có)*

**Bảng 1.1: Thông tin sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát)**

| TT | Tên chất                      | Năm ...    |                                             | Năm ...    |                                             | Năm ...    |                                             | Trung bình 03 năm |                                             | Thông tin khác                 |
|----|-------------------------------|------------|---------------------------------------------|------------|---------------------------------------------|------------|---------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------|--------------------------------|
|    |                               | Lượng (kg) | Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> tđ) | Lượng (kg) | Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> tđ) | Lượng (kg) | Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> tđ) | Lượng (kg)        | Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> tđ) |                                |
| 1. | Sản xuất chất được kiểm soát  |            |                                             |            |                                             |            |                                             |                   |                                             |                                |
|    | HCFC...                       |            |                                             |            |                                             |            |                                             |                   |                                             |                                |
|    | HFC...                        |            |                                             |            |                                             |            |                                             |                   |                                             |                                |
|    | TỔNG                          | ...        | ...                                         | ...        | ...                                         | ...        | ...                                         |                   |                                             |                                |
| 2. | Nhập khẩu chất được kiểm soát |            |                                             |            |                                             |            |                                             |                   |                                             |                                |
|    | HCFC...                       |            |                                             |            |                                             |            |                                             |                   |                                             | Nơi nhập khẩu, ghi rõ tên chất |
|    | HFC...                        |            |                                             |            |                                             |            |                                             |                   |                                             |                                |
|    | TỔNG                          | ...        | ...                                         | ...        | ...                                         | ...        | ...                                         |                   |                                             |                                |
| 3. | Xuất khẩu chất được kiểm soát |            |                                             |            |                                             |            |                                             |                   |                                             |                                |
|    | HCFC...                       |            |                                             |            |                                             |            |                                             |                   |                                             | Nơi nhập khẩu, ghi rõ tên chất |
|    | HFC...                        |            |                                             |            |                                             |            |                                             |                   |                                             |                                |
|    | TỔNG                          | ...        | ...                                         | ...        | ...                                         | ...        | ...                                         |                   |                                             |                                |

**Ghi chú:** Cung cấp thông tin sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát của 03 năm gần nhất trước năm đăng ký.

**Bảng 1.2: Thông tin sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát)**

| TT | Năm ... *                                                                 |       |                                     |                                    |                                                                                                                             |                                                              |                                      |
|----|---------------------------------------------------------------------------|-------|-------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|    | Loại thiết bị, sản phẩm<br>(Số hiệu, hãng SX)                             | Mã HS | Năng suất<br>lạnh/Công<br>suất điện | Số lượng<br>sản xuất,<br>nhập khẩu | Tên chất được kiểm<br>soát có chứa trong<br>thiết bị, sản phẩm<br>hoặc được sử dụng để<br>sản xuất ra thiết bị,<br>sản phẩm | Lượng chất<br>có chứa trong<br>01 đơn vị<br>sản phẩm<br>(kg) | Ghi chú                              |
| 1. | Sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát  |       |                                     |                                    |                                                                                                                             |                                                              |                                      |
|    | Điều hòa không khí                                                        |       |                                     |                                    | HCFC...                                                                                                                     |                                                              |                                      |
|    | ...                                                                       |       |                                     |                                    | HFC...                                                                                                                      |                                                              |                                      |
|    | Tủ lạnh                                                                   |       |                                     |                                    | HCFC...                                                                                                                     |                                                              |                                      |
|    | ...                                                                       |       |                                     |                                    | HFC...                                                                                                                      |                                                              |                                      |
| 2. | Nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát |       |                                     |                                    |                                                                                                                             |                                                              |                                      |
|    | Điều hòa không khí                                                        |       |                                     |                                    | HCFC...                                                                                                                     |                                                              | Nơi nhập<br>khẩu, ghi<br>rõ tên chất |
|    | ...                                                                       |       |                                     |                                    | HFC...                                                                                                                      |                                                              |                                      |
|    | Tủ lạnh                                                                   |       |                                     |                                    | HCFC...                                                                                                                     |                                                              |                                      |
|    | ...                                                                       |       |                                     |                                    | HFC...                                                                                                                      |                                                              |                                      |

**Ghi chú:** (\*) Cung cấp thông tin về thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát của năm trước năm đăng ký.

**Bảng 1.3: Thông tin sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức sở hữu thiết bị có chứa chất được kiểm soát)**

| TT | Thông tin về thiết bị có chứa chất được kiểm soát                                    |                     |                                   |                   |                                                       | Thông tin về hoạt động nạp mới chất được kiểm soát vào thiết bị của năm ... |                                           |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|    | Loại thiết bị (số hiệu, hãng sản xuất)                                               | Năm bắt đầu sử dụng | Năng suất lạnh/<br>Công suất điện | Số lượng thiết bị | Lượng chất được kiểm soát có chứa trong thiết bị (kg) | Tần suất nạp mới chất được kiểm soát vào thiết bị (lần/năm)                 | Lượng chất được nạp vào thiết bị/lần (kg) |
| 1. | Máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định từ 26,5 kW (90.000 BTU/h) trở lên |                     |                                   |                   |                                                       |                                                                             |                                           |
|    |                                                                                      |                     |                                   |                   |                                                       |                                                                             |                                           |
|    |                                                                                      |                     |                                   |                   |                                                       |                                                                             |                                           |
|    |                                                                                      |                     |                                   |                   |                                                       |                                                                             |                                           |
|    |                                                                                      |                     |                                   |                   |                                                       |                                                                             |                                           |
| 2. | Thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện từ 40 kW trở lên                         |                     |                                   |                   |                                                       |                                                                             |                                           |
|    |                                                                                      |                     |                                   |                   |                                                       |                                                                             |                                           |
|    |                                                                                      |                     |                                   |                   |                                                       |                                                                             |                                           |
|    |                                                                                      |                     |                                   |                   |                                                       |                                                                             |                                           |
|    |                                                                                      |                     |                                   |                   |                                                       |                                                                             |                                           |

**Ghi chú:** Cung cấp thông tin về thiết bị có chứa chất được kiểm soát do tổ chức sở hữu của năm trước năm đăng ký.

**Bảng 1.4: Thông tin sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát)**

| TT | Thông tin về chất được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý của năm ... |            |                               | Thông tin khác (nguồn thu gom...) |
|----|-------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------|-----------------------------------|
|    | Tên chất                                                                | Lượng (kg) | Lượng (tấn CO <sub>2</sub> đ) |                                   |
| 1. | Thu gom chất được kiểm soát                                             |            |                               |                                   |
|    | HCFC...                                                                 |            |                               |                                   |
|    | HFC...                                                                  |            |                               |                                   |
|    |                                                                         |            |                               |                                   |
| 2. | Tái sử dụng chất được kiểm soát sau thu gom                             |            |                               |                                   |
|    | HCFC...                                                                 |            |                               |                                   |
|    | HFC...                                                                  |            |                               |                                   |
|    |                                                                         |            |                               |                                   |
| 3. | Tái chế chất được kiểm soát sau thu gom                                 |            |                               |                                   |
|    | HCFC...                                                                 |            |                               |                                   |
|    | HFC...                                                                  |            |                               |                                   |
|    |                                                                         |            |                               |                                   |
| 4. | Xử lý chất được kiểm soát                                               |            |                               |                                   |
|    | HCFC...                                                                 |            |                               |                                   |
|    | HFC...                                                                  |            |                               |                                   |
|    |                                                                         |            |                               |                                   |

**Ghi chú:**

- Trong phạm vi Nghị định, xử lý các chất được kiểm soát là quá trình tiêu hủy các chất được kiểm soát bằng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để không gây tác động tiêu cực đến sức khỏe con người và môi trường.

- Cung cấp thông tin về chất được kiểm soát được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý của năm trước năm đăng ký.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO CÁO****Tình hình sử dụng các chất được kiểm soát**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, (tên tổ chức) báo cáo tình hình sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal trong thời gian từ ngày .... tháng .... năm .... đến ngày .... tháng .... năm .... với các thông tin cụ thể như sau:

**1. Thông tin chung** (chỉ bổ sung thông tin thay đổi hoặc điều chỉnh so với thông tin đăng ký)

a) Thông tin về tổ chức báo cáo

- Tên đầy đủ của tổ chức: ...

- Mã số doanh nghiệp:

- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: ... Ngày cấp: ... Nơi cấp: ...

- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức... Chức vụ: ...

- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: ...

- Địa chỉ liên hệ: ... Điện thoại: ...

- Fax: ... Địa chỉ thư điện tử: ...

b) Thông tin về lĩnh vực hoạt động sử dụng chất được kiểm soát

☐ Sản xuất chất được kiểm soát;

☐ Nhập khẩu chất được kiểm soát;

☐ Xuất khẩu chất được kiểm soát;

☐ Sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát;

☐ Nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát;

- ☐ Sở hữu máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định từ 26,5 kW (90.000 BTU/h) trở lên;
- ☐ Sở hữu thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện từ 40 kW trở lên;
- ☐ Thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát.

## **2. Báo cáo về tình hình sử dụng chất được kiểm soát trong năm ...**

Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động sử dụng chất được kiểm soát đã đăng ký, tổ chức báo cáo tình hình sử dụng chất được kiểm soát theo các thông tin chi tiết tại Bảng kèm theo.

## **3. Tài liệu kèm theo báo cáo (liệt kê các tài liệu kèm theo, nếu có)**

Đối với tổ chức có hoạt động sản xuất chất được kiểm soát; tổ chức có hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát, tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát gửi kèm Tờ khai hải quan cho từng lần nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát trong năm báo cáo.

Đối với tổ chức sở hữu thiết bị có chứa chất được kiểm soát, đề nghị ghi chú “Thiết bị đăng ký mới” nếu có thay đổi so với thông tin đăng ký.

## **4. Cam kết**

(Tên tổ chức) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong báo cáo này và tài liệu kèm theo.

*(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...*

**TỔ CHỨC BÁO CÁO**

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh  
và đóng dấu nếu có)*

**Bảng 2.1: Báo cáo về tình hình sử dụng hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát (dành cho tổ chức sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu chất được kiểm soát)**

| TT | Thông tin về chất được kiểm soát |       | Hạn ngạch được phân bổ trong năm báo cáo... |                                             | Hạn ngạch được điều chỉnh, bổ sung trong năm báo cáo... |                                             | Tổng lượng hạn ngạch sử dụng đến hết 31 tháng 12 của năm báo cáo...* |                                             |                |                          |                    | Đăng ký hạn ngạch của năm sau năm báo cáo** |                                             |
|----|----------------------------------|-------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|--------------------------|--------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|
|    | Tên chất                         | Mã HS | Lượng (kg)                                  | Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> td) | Lượng (kg)                                              | Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> td) | Lượng (kg)                                                           | Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> td) | Giá trung bình | Nơi xuất khẩu, nhập khẩu | Số hiệu tờ khai HQ | Lượng (kg)                                  | Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> td) |
| 1. | Sản xuất chất được kiểm soát     |       |                                             |                                             |                                                         |                                             |                                                                      |                                             |                |                          |                    |                                             |                                             |
|    | HCFC...                          |       |                                             |                                             |                                                         |                                             |                                                                      |                                             |                |                          |                    |                                             |                                             |
|    | HFC...                           |       |                                             |                                             |                                                         |                                             |                                                                      |                                             |                |                          |                    |                                             |                                             |
|    | <b>Tổng cộng</b>                 |       | ...                                         | ...                                         | ...                                                     | ...                                         | ...                                                                  | ...                                         |                |                          |                    | ...                                         | ...                                         |
| 2. | Nhập khẩu chất được kiểm soát    |       |                                             |                                             |                                                         |                                             |                                                                      |                                             |                |                          |                    |                                             |                                             |
|    | HCFC...                          |       |                                             |                                             |                                                         |                                             |                                                                      |                                             |                |                          |                    |                                             |                                             |
|    | HFC...                           |       |                                             |                                             |                                                         |                                             |                                                                      |                                             |                |                          |                    |                                             |                                             |
|    | HCFC...                          |       |                                             |                                             |                                                         |                                             |                                                                      |                                             |                |                          |                    |                                             |                                             |
|    | <b>Tổng cộng</b>                 |       | ...                                         | ...                                         | ...                                                     | ...                                         | ...                                                                  | ...                                         |                |                          |                    | ...                                         | ...                                         |
| 3. | Xuất khẩu chất được kiểm soát    |       |                                             |                                             |                                                         |                                             |                                                                      |                                             |                |                          |                    |                                             |                                             |
|    | HCFC...                          |       |                                             |                                             |                                                         |                                             |                                                                      |                                             |                |                          |                    |                                             |                                             |
|    | HFC...                           |       |                                             |                                             |                                                         |                                             |                                                                      |                                             |                |                          |                    |                                             |                                             |
|    | <b>Tổng cộng</b>                 |       | ...                                         | ...                                         | ...                                                     | ...                                         | ...                                                                  | ...                                         |                |                          |                    | ...                                         | ...                                         |

**Ghi chú:**

(\*) Báo cáo kèm theo Tờ khai hải quan cho từng lần nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát trong năm báo cáo.

(\*\*) Thông tin đăng ký là cơ sở để xem xét, phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu theo tên chất và khối lượng (kg).



**Bảng 2.2: Báo cáo về tình hình sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát)**

| TT | Năm ... *                                                                 |       |                                   |                                    |                                                                                                                       |                                                           |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------|
|    | Loại sản phẩm/<br>thiết bị (Số hiệu, hãng SX)                             | Mã HS | Năng suất lạnh/<br>Công suất điện | Số lượng<br>sản xuất,<br>nhập khẩu | Tên chất được kiểm soát có chứa<br>trong thiết bị, sản phẩm hoặc<br>được sử dụng để sản xuất ra<br>thiết bị, sản phẩm | Lượng chất có<br>chứa trong 01<br>đơn vị sản<br>phẩm (kg) | Ghi chú |
| 1  | Sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát  |       |                                   |                                    |                                                                                                                       |                                                           |         |
|    | Điều hòa không khí                                                        |       |                                   |                                    | HCFC...                                                                                                               |                                                           |         |
|    | ...                                                                       |       |                                   |                                    | HFC...                                                                                                                |                                                           |         |
|    | Tủ lạnh                                                                   |       |                                   |                                    | HCFC...                                                                                                               |                                                           |         |
|    | ...                                                                       |       |                                   |                                    | HFC...                                                                                                                |                                                           |         |
|    |                                                                           |       |                                   |                                    |                                                                                                                       |                                                           |         |
| 2  | Nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát |       |                                   |                                    |                                                                                                                       |                                                           |         |
|    | Điều hòa không khí                                                        |       |                                   |                                    | HCFC...                                                                                                               |                                                           |         |
|    | ...                                                                       |       |                                   |                                    | HFC...                                                                                                                |                                                           |         |
|    | Tủ lạnh                                                                   |       |                                   |                                    | HCFC...                                                                                                               |                                                           |         |
|    | ...                                                                       |       |                                   |                                    | HFC...                                                                                                                |                                                           |         |

**Ghi chú:**

(\*) Cung cấp thông tin về thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát của năm báo cáo.

(\*\*) Cung cấp thông tin đăng ký hạn ngạch đối với chất được kiểm soát có chứa trong thiết bị, sản phẩm hoặc được sử dụng để sản xuất thiết bị, sản phẩm.

**Bảng 2.3: Báo cáo về tình hình sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức sở hữu thiết bị có chứa chất được kiểm soát)**

| TT | Thông tin về thiết bị có chứa chất được kiểm soát                                    |                   |                                                       |                                   |                     | Thông tin về hoạt động nạp mới chất được kiểm soát vào thiết bị của năm<br>... |                                           | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------|
|    | Loại thiết bị (số hiệu, hãng sản xuất)                                               | Số lượng thiết bị | Lượng chất được kiểm soát có chứa trong thiết bị (kg) | Năng suất lạnh/<br>Công suất điện | Năm bắt đầu sử dụng | Tần suất nạp mới chất được kiểm soát vào thiết bị (lần/năm)                    | Lượng chất được nạp vào thiết bị/lần (kg) |         |
| 1. | Máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định từ 26,5 kW (90.000 BTU/h) trở lên |                   |                                                       |                                   |                     |                                                                                |                                           |         |
|    |                                                                                      |                   |                                                       |                                   |                     |                                                                                |                                           |         |
|    |                                                                                      |                   |                                                       |                                   |                     |                                                                                |                                           |         |
|    |                                                                                      |                   |                                                       |                                   |                     |                                                                                |                                           |         |
|    |                                                                                      |                   |                                                       |                                   |                     |                                                                                |                                           |         |
| 2. | Thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện từ 40 kW trở lên                         |                   |                                                       |                                   |                     |                                                                                |                                           |         |
|    |                                                                                      |                   |                                                       |                                   |                     |                                                                                |                                           |         |
|    |                                                                                      |                   |                                                       |                                   |                     |                                                                                |                                           |         |
|    |                                                                                      |                   |                                                       |                                   |                     |                                                                                |                                           |         |
|    |                                                                                      |                   |                                                       |                                   |                     |                                                                                |                                           |         |

**Ghi chú:** Đề nghị ghi chú rõ “Thiết bị đăng ký mới” nếu có thay đổi so với thông tin đăng ký.

**Bảng 2.4: Báo cáo về tình hình sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát)**

| TT | Tên chất  | Thông tin về chất được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý của năm ... |                  |                              |                 |                                       |                 |                                    |                              |                   |                 |             | Thông tin khác |
|----|-----------|-------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------|-----------------|---------------------------------------|-----------------|------------------------------------|------------------------------|-------------------|-----------------|-------------|----------------|
|    |           | Thu gom                                                                 |                  |                              | Tái sử dụng     |                                       | Tái chế         |                                    |                              | Xử lý để tiêu hủy |                 |             |                |
|    |           | Khối lượng (kg)                                                         | Địa điểm thu gom | Địa điểm lưu giữ sau thu gom | Khối lượng (kg) | Công nghệ, địa điểm cơ sở tái sử dụng | Khối lượng (kg) | Công nghệ, cơ sở thực hiện tái chế | Địa điểm sử dụng sau tái chế | Khối lượng (kg)   | Công nghệ xử lý | Cơ sở xử lý |                |
|    | HCFC...   |                                                                         |                  |                              |                 |                                       |                 |                                    |                              |                   |                 |             |                |
|    | HFC...    |                                                                         |                  |                              |                 |                                       |                 |                                    |                              |                   |                 |             |                |
|    | Tổng cộng |                                                                         |                  |                              |                 |                                       |                 |                                    |                              |                   |                 |             |                |

**Ghi chú:** Trong phạm vi Nghị định, xử lý các chất được kiểm soát là quá trình tiêu hủy các chất được kiểm soát bằng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để không gây tác động tiêu cực đến sức khỏe con người và môi trường.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu  
 các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát  
 trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định số .../.... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Căn cứ Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng ....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn cho các tổ chức có tên tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Trách nhiệm của tổ chức được phân bổ hạn ngạch

1. Sử dụng các chất được kiểm soát theo đúng lượng hạn ngạch trong năm được phân bổ.
2. Tuân thủ nghĩa vụ về báo cáo tình hình sử dụng chất được kiểm soát trước ngày 15 tháng 01 hằng năm theo quy định.
3. Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động sử dụng chất được kiểm soát.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng ..., các tổ chức có tên tại Điều 1, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính (Cục Hải quan);
- Lưu: VT,...

**BỘ TRƯỞNG**

**Phụ lục 03A.1****DANH SÁCH PHÂN BỐ HẠN NGẠCH NHẬP KHẨU CÁC CHẤT LÀM SUY GIẢM TẦNG Ô-DÔN,  
CHẤT GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH ĐƯỢC KIỂM SOÁT NĂM ...***(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày ... tháng .... năm ... của ...)*

| TT | Tên doanh nghiệp | Mã số doanh nghiệp | Tổng hạn ngạch (tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> td) | Tên chất và khối lượng* |       |            |
|----|------------------|--------------------|------------------------------------------------------|-------------------------|-------|------------|
|    |                  |                    |                                                      | Tên chất                | Mã HS | Lượng (kg) |
| 1. |                  |                    |                                                      |                         |       |            |
| 2. |                  |                    |                                                      |                         |       |            |
| 3. |                  |                    |                                                      |                         |       |            |
| 4. |                  |                    |                                                      |                         |       |            |

**Ghi chú:** (\*) Danh mục chất được kiểm soát dựa trên đăng ký phân bổ hạn ngạch của doanh nghiệp có sự điều chỉnh về khối lượng nhằm đảm bảo không vượt tổng hạn ngạch được phân bổ quy đổi theo tấn ODP hoặc tấn CO<sub>2</sub>td.

**Phụ lục 03A.2**  
**DANH SÁCH PHÂN BỐ HẠN NGẠCH SẢN XUẤT CÁC CHẤT LÀM SUY GIẢM TÀNG Ô-DÔN,**  
**CHẤT GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH ĐƯỢC KIỂM SOÁT NĂM ...**  
*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của ...)*

| TT | Tên doanh nghiệp | Mã số doanh nghiệp | Tổng hạn ngạch<br>(tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> td) | Tên chất và khối lượng* |       |            |
|----|------------------|--------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------|-------|------------|
|    |                  |                    |                                                         | Tên chất                | Mã HS | Lượng (kg) |
| 1. |                  |                    |                                                         |                         |       |            |
| 2. |                  |                    |                                                         |                         |       |            |
| 3. |                  |                    |                                                         |                         |       |            |
| 4. |                  |                    |                                                         |                         |       |            |

**Ghi chú:** (\*) Danh mục chất được kiểm soát dựa trên đăng ký phân bổ hạn ngạch của doanh nghiệp có điều chỉnh về khối lượng để đảm bảo không vượt tổng hạn ngạch được phân bổ quy đổi theo tấn ODP hoặc tấn CO<sub>2</sub>td.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định số .../.... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Căn cứ Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-..... ngày .... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ ... về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng ....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal năm ... cho tổ chức tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Các nội dung không điều chỉnh tại Quyết định này được thực hiện theo Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal.

**Điều 2.** Trách nhiệm của tổ chức được điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch

1. Sử dụng các chất được kiểm soát theo đúng lượng hạn ngạch trong năm được điều chỉnh, bổ sung.



2. Tuân thủ nghĩa vụ về báo cáo tình hình sử dụng chất được kiểm soát trước ngày 15 tháng 01 hằng năm theo quy định.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động sử dụng chất được kiểm soát.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng ..., các tổ chức có tên nêu tại Điều 1, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính (Cục Hải quan);
- Lưu: VT,...

**BỘ TRƯỞNG**

**Phụ lục 03B.1****DANH SÁCH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HẠN NGẠCH NHẬP KHẨU CÁC CHẤT LÀM SUY GIẢM TẦNG Ô-ĐÔN,  
CHẤT GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH ĐƯỢC KIỂM SOÁT NĂM ...***(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày .... tháng ... năm ... của ...)*

| TT | Tên doanh nghiệp | Mã số doanh nghiệp | Lượng hạn ngạch đã cấp (tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> td) | Lượng hạn ngạch điều chỉnh (tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> td) | Tổng hạn ngạch sau khi điều chỉnh, bổ sung | Tên chất và khối lượng sau khi điều chỉnh, bổ sung* |       |                      |
|----|------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------|----------------------|
|    |                  |                    |                                                              |                                                                  |                                            | Tên chất                                            | Mã HS | Lượng nhập khẩu (kg) |
| 1. |                  |                    |                                                              |                                                                  |                                            |                                                     |       |                      |
| 2. |                  |                    |                                                              |                                                                  |                                            |                                                     |       |                      |
| 3. |                  |                    |                                                              |                                                                  |                                            |                                                     |       |                      |
| 4. |                  |                    |                                                              |                                                                  |                                            |                                                     |       |                      |

**Ghi chú:** (\*) Danh mục chất được kiểm soát dựa trên Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung của doanh nghiệp có điều chỉnh về khối lượng nhằm đảm bảo không vượt tổng hạn ngạch nhập khẩu được phân bổ điều chỉnh, bổ sung quy đổi theo tấn ODP hoặc tấn CO<sub>2</sub>td.

**Phụ lục 03B.2****DANH SÁCH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HẠN NGẠCH SẢN XUẤT CÁC CHẤT LÀM SUY GIẢM TẦNG Ô-DÔN,  
CHẤT GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH ĐƯỢC KIỂM SOÁT NĂM ...***(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày .... tháng ... năm ... của ...)*

| TT | Tên doanh nghiệp | Mã số doanh nghiệp | Lượng hạn ngạch đã cấp (tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> tđ) | Lượng hạn ngạch điều chỉnh (tấn ODP hoặc tấn CO <sub>2</sub> tđ) | Tổng hạn ngạch sau khi điều chỉnh, bổ sung | Tên chất và khối lượng sau khi điều chỉnh, bổ sung* |       |                      |
|----|------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------|----------------------|
|    |                  |                    |                                                              |                                                                  |                                            | Tên chất                                            | Mã HS | Lượng nhập khẩu (kg) |
| 1. |                  |                    |                                                              |                                                                  |                                            |                                                     |       |                      |
| 2. |                  |                    |                                                              |                                                                  |                                            |                                                     |       |                      |
| 3. |                  |                    |                                                              |                                                                  |                                            |                                                     |       |                      |
| 4. |                  |                    |                                                              |                                                                  |                                            |                                                     |       |                      |

**Ghi chú:** (\*) Danh mục chất được kiểm soát dựa trên Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung của doanh nghiệp có điều chỉnh về khối lượng nhằm đảm bảo không vượt tổng hạn ngạch sản xuất được điều chỉnh, bổ sung.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HẠN NGẠCH SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU**  
**CÁC CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, (tên tổ chức) đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal với các thông tin như sau:

**1. Thông tin về tổ chức đề nghị**

- Tên đầy đủ của tổ chức: ...
- Mã số doanh nghiệp:
- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: ... Ngày cấp: ... Nơi cấp: ...
- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức... Chức vụ: ...
- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: ...
- Địa chỉ liên hệ: ... Điện thoại: ...
- Fax: ... Địa chỉ thư điện tử: ...

**2. Nội dung đề nghị**

- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung phân bổ hạn ngạch sản xuất ☐
- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung phân bổ hạn ngạch nhập khẩu ☐

**3. Tóm tắt tình hình sử dụng hạn ngạch được phân bổ và đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát (mẫu kèm theo)**

**4. Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị (liệt kê các tài liệu kèm theo, nếu có)**

Trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu các chất được kiểm soát đề nghị bổ sung hạn ngạch nhập khẩu, đề nghị cung cấp thông tin và tờ khai hải quan về

hoạt động xuất khẩu đã thực hiện để làm cơ sở xem xét, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu.

### **5. Cam kết**

(Tên tổ chức đề nghị) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đề nghị này và tài liệu kèm theo.

*(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...*

**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh  
và đóng dấu nếu có)*

**Bảng 4: Thông tin đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát**

[illegible]

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  
CỤC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../TB-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

### **THÔNG BÁO**

#### **Về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát**

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày ... tháng... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal;

Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal với các thông tin như sau:

**1. Thông tin về tổ chức được phân bổ hạn ngạch sản xuất/nhập khẩu:**

- Tên đầy đủ của tổ chức: ...
- Mã số doanh nghiệp: ...
- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: ... Ngày cấp: ... Nơi cấp: ...
- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức... Chức vụ: ...
- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: ...
- Địa chỉ liên hệ: ... Điện thoại: ...
- Fax: ... Địa chỉ thư điện tử: ...

**2. Hạn ngạch sản xuất/nhập khẩu được phân bổ năm ... của tổ chức:**

.....

Danh mục chất và khối lượng chất quy đổi tương ứng theo kg kèm theo Thông báo này.

Cục Biến đổi khí hậu thông báo đề tổ chức ... biết và thực hiện.

**CỤC TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh  
và đóng dấu)

**Phụ lục 05A.1**

**HẠN NGẠCH NHẬP KHẨU CÁC CHẤT LÀM SUY GIẢM TẦNG Ô-DÔN,  
CHẤT GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH ĐƯỢC KIỂM SOÁT  
TRONG KHUÔN KHỔ NGHỊ ĐỊNH THỦ MONTREAL  
NĂM ...**

*(Kèm theo Thông báo số ... /TB-... ngày .... tháng ... năm ...)*

**Tên tổ chức được phân bổ hạn ngạch nhập khẩu:**

---

| TT  | Tên chất và khối lượng* |       |                    |                         |                                        | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------|--------------------|-------------------------|----------------------------------------|---------|
|     | Tên chất                | Mã HS | Khối lượng<br>(kg) | Khối lượng<br>(tấn ODP) | Khối lượng<br>(tấn CO <sub>2</sub> tđ) |         |
| 1.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| 2.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| 3.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| 4.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| ... |                         |       |                    |                         |                                        |         |

**Ghi chú:** (\*) Tên chất được kiểm soát và khối lượng quy đổi theo kg trên cơ sở đăng ký phân bổ hạn ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp, có sự điều chỉnh về khối lượng để đảm bảo không vượt tổng hạn ngạch nhập khẩu các chất được phân bổ quy đổi theo tấn ODP và tấn CO<sub>2</sub>tđ.



**Phụ lục 05A.2**

**HẠN NGẠCH SẢN XUẤT CÁC CHẤT LÀM SUY GIẢM TÀNG Ô-DÔN, CHẤT  
GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH ĐƯỢC KIỂM SOÁT  
TRONG KHUÔN KHỔ NGHỊ ĐỊNH THU' MONTREAL  
NĂM ...**

*(Kèm theo Thông báo số ... /TB-... ngày .... tháng ... năm ...)*

**Tên tổ chức được phân bổ hạn ngạch sản xuất:**

| TT  | Tên chất và khối lượng* |       |                    |                         |                                        | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------|--------------------|-------------------------|----------------------------------------|---------|
|     | Tên chất                | Mã HS | Khối lượng<br>(kg) | Khối lượng<br>(tấn ODP) | Khối lượng<br>(tấn CO <sub>2</sub> tđ) |         |
| 1.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| 2.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| 3.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| 4.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| ... |                         |       |                    |                         |                                        |         |

**Ghi chú:** (\*) Tên chất được kiểm soát và khối lượng quy đổi theo kg trên cơ sở đăng ký phân bổ hạn ngạch sản xuất của doanh nghiệp, có sự điều chỉnh về khối lượng để đảm bảo không vượt tổng hạn ngạch sản xuất các chất được phân bổ quy đổi theo tấn ODP và tấn CO<sub>2</sub>tđ.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  
CỤC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../TB-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm...

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát**

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal;

Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal với các thông tin như sau:

#### 1. Thông tin về tổ chức được điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch:

- Tên đầy đủ của tổ chức: ...
- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: ... Ngày cấp: ... Nơi cấp: ...
- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức... Chức vụ: ...
- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: ...
- Địa chỉ liên hệ: ... Điện thoại: ...
- Fax: ... Địa chỉ thư điện tử: ...

2. Hạn ngạch sản xuất/nhập khẩu được điều chỉnh, bổ sung năm ... của tổ chức: ..... Danh mục chất và lượng chất được sản xuất/nhập khẩu điều chỉnh, bổ sung kèm theo Thông báo này.

3. Thông báo này thay thế Thông báo số .... ngày ... tháng.... năm của .... về việc phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal.

Cục Biến đổi khí hậu thông báo để tổ chức ... biết và thực hiện.

**CỤC TRƯỞNG**

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh  
và đóng dấu)*

**Phụ lục 05B.1**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HẠN NGẠCH NHẬP KHẨU CÁC CHẤT  
LÀM SUY GIẢM TẦNG Ô-DÔN, CHẤT GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH  
ĐƯỢC KIỂM SOÁT TRONG KHUÔN KHỔ NGHỊ ĐỊNH THƯ MONTREAL  
NĂM ...**

*(Kèm theo Thông báo số ... /TB-... ngày .... tháng ... năm ...)*

**Tên tổ chức được điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu:**

| TT  | Tên chất và khối lượng* |       |                    |                         |                                        | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------|--------------------|-------------------------|----------------------------------------|---------|
|     | Tên chất                | Mã HS | Khối lượng<br>(kg) | Khối lượng<br>(tấn ODP) | Khối lượng<br>(tấn CO <sub>2</sub> td) |         |
| 1.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| 2.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| 3.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| 4.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| ... |                         |       |                    |                         |                                        |         |

**Ghi chú:** (\*) Tên chất được kiểm soát và khối lượng quy đổi theo kg trên cơ sở Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung của doanh nghiệp, có sự điều chỉnh về khối lượng để đảm bảo không vượt tổng hạn ngạch nhập khẩu điều chỉnh, bổ sung quy đổi theo tấn ODP và tấn CO<sub>2</sub>td.

**Phụ lục 05B.2**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HẠN NGẠCH SẢN XUẤT CÁC CHẤT  
LÀM SUY GIẢM TẦNG Ô-DÔN, CHẤT GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH  
ĐƯỢC KIỂM SOÁT TRONG KHUÔN KHỔ NGHỊ ĐỊNH THƯ MONTREAL  
NĂM ...**

*(Kèm theo Thông báo số ... /TB-... ngày .... tháng .... năm ...)*

**Tên tổ chức được điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất:**

| TT  | Tên chất và khối lượng* |       |                    |                         |                                        | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------|--------------------|-------------------------|----------------------------------------|---------|
|     | Tên chất                | Mã HS | Khối lượng<br>(kg) | Khối lượng<br>(tấn ODP) | Khối lượng<br>(tấn CO <sub>2</sub> tđ) |         |
| 1.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| 2.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| 3.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| 4.  |                         |       |                    |                         |                                        |         |
| ... |                         |       |                    |                         |                                        |         |

**Ghi chú:** (\*) Tên chất được kiểm soát và khối lượng quy đổi theo kg trên cơ sở Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung của doanh nghiệp, có sự điều chỉnh về khối lượng để đảm bảo không vượt tổng hạn ngạch sản xuất được điều chỉnh, bổ sung quy đổi theo tấn ODP và tấn CO<sub>2</sub>tđ.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG<sup>52</sup> CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...***QUYẾT ĐỊNH****Về việc hủy phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu  
các chất được kiểm soát****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG<sup>53</sup>**

*Căn cứ Nghị định số .../.... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>54</sup>;*

*Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng ....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hủy phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát tại Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>55</sup> về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal cho tổ chức ..., đối với chất ...

**Điều 2.** (Tên tổ chức)... đã được phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát tại Quyết định số ... /QĐ-BNNMT phải chấm dứt ngay các hoạt động sử dụng các chất đã được phân bổ hạn ngạch và thực hiện các nghĩa vụ sau:

...

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng ..., tổ chức ..., Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Lưu: VT,...

**BỘ TRƯỞNG**

<sup>52</sup> Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” đã được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2025.

<sup>53</sup> Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” đã được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2025.

<sup>54</sup> Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” đã được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2025.

<sup>55</sup> Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” đã được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2025.

BỘ ...  
CỤC...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

V/v cung cấp thông tin, dữ liệu về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>56</sup>.

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, Cục..., Bộ ... gửi các thông tin, dữ liệu về các chất được kiểm soát thuộc phạm vi quản lý để Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>57</sup> tổng hợp, xây dựng báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal tại Việt Nam như sau:

1. Thời gian chốt số liệu trong báo cáo: ..... (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo).
2. Tổng hợp thông tin về các chất được kiểm soát thuộc phạm vi quản lý:

| STT | Tên doanh nghiệp | Tên chất       | Cấp phép nhập khẩu |       | Cấp phép xuất khẩu |       | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------|--------------------|-------|--------------------|-------|---------|
|     |                  |                | ĐVT                | Lượng | ĐVT                | Lượng |         |
| 1.  | Doanh nghiệp A   |                |                    |       |                    |       |         |
|     |                  | Methyl bromide |                    |       |                    |       |         |
|     |                  |                |                    |       |                    |       |         |
| 2.  | Doanh nghiệp B   |                |                    |       |                    |       |         |
|     |                  |                |                    |       |                    |       |         |

3. Các thông tin có liên quan khác: ....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...
- Lưu: ....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

<sup>56</sup> Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” đã được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2025.

<sup>57</sup> Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” đã được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2025.

CỤC HẢI QUAN<sup>58</sup>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

V/v cung cấp thông tin, dữ liệu hải quan về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>59</sup>.

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính kính gửi các thông tin, dữ liệu hải quan về các chất được kiểm soát để Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>60</sup> tổng hợp, xây dựng báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal tại Việt Nam:

1. Thời gian chốt số liệu trong báo cáo: .... (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo).

2. Tổng hợp thông tin về việc nhập khẩu các chất được kiểm soát:

| STT | Mã hàng | Mô tả hàng hoá | Tên doanh nghiệp | Mã số doanh nghiệp | Xuất xứ | ĐVT | Lượng | Ghi chú |
|-----|---------|----------------|------------------|--------------------|---------|-----|-------|---------|
|     |         |                |                  |                    |         |     |       |         |

3. Tổng hợp thông tin về việc xuất khẩu các chất được kiểm soát:

| STT | Mã hàng | Mô tả hàng hoá | Tên doanh nghiệp xuất khẩu | Mã số doanh nghiệp | Tên doanh nghiệp nhập khẩu | Mã số doanh nghiệp | Quốc gia nhập khẩu | ĐVT | Lượng | Ghi chú |
|-----|---------|----------------|----------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|--------------------|-----|-------|---------|
|     |         |                |                            |                    |                            |                    |                    |     |       |         |
|     |         |                |                            |                    |                            |                    |                    |     |       |         |

<sup>58</sup> Cụm từ “Tổng cục Hải quan” đã được thay thế bởi cụm từ “Cục Hải quan” theo quy định tại khoản 26 Điều 3 của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

<sup>59</sup> Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” đã được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2025.

<sup>60</sup> Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” đã được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2025.



4. Tổng hợp thông tin về việc nhập khẩu sản phẩm, thiết bị, hàng hóa có chứa các chất được kiểm soát:

| STT | Mã hàng | Mô tả hàng hóa | Tên doanh nghiệp | Mã số doanh nghiệp | Xuất xứ | ĐVT | Lượng | Ghi chú |
|-----|---------|----------------|------------------|--------------------|---------|-----|-------|---------|
|     |         |                |                  |                    |         |     |       |         |

5. Tổng hợp thông tin về việc xuất khẩu sản phẩm, thiết bị, hàng hóa có chứa các chất được kiểm soát:

| STT | Mã hàng | Mô tả hàng hóa | Tên doanh nghiệp xuất khẩu | Mã số doanh nghiệp | Tên doanh nghiệp nhập khẩu | Mã số doanh nghiệp | Quốc gia nhập khẩu | ĐVT | Lượng | Ghi chú |
|-----|---------|----------------|----------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|--------------------|-----|-------|---------|
|     |         |                |                            |                    |                            |                    |                    |     |       |         |
|     |         |                |                            |                    |                            |                    |                    |     |       |         |

6. Các thông tin có liên quan khác: ....

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

- Lưu: ....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**DANH MỤC CẤM SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU CÁC CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT VÀ THIẾT BỊ, SẢN PHẨM CÓ CHỨA  
HOẶC SẢN XUẤT TỪ CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT THEO CAM KẾT THỰC HIỆN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ  
VỀ BẢO VỆ TẦNG Ô-DÔN**

| TT       | Tên chất được kiểm soát        | Hỗn hợp chất được kiểm soát | Thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc được sản xuất từ chất được kiểm soát | Mô tả chi tiết                         | Công thức hóa học                 | Số hiệu môi chất lạnh | Mã hàng hóa (HS) <sup>1</sup> | Mã hóa chất (CAS) | Ghi chú                                                     |
|----------|--------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>Các chất được kiểm soát</b> |                             |                                                                      |                                        |                                   |                       |                               |                   | Trừ trường hợp sử dụng trong phòng thí nghiệm và phân tích. |
| 1.       | CFC-11                         |                             |                                                                      | Trichlorofluoromethane                 | $\text{CFCl}_3$                   | R-11                  | 2903.77.00                    | 75-69-4           |                                                             |
| 2.       | CFC-12                         |                             |                                                                      | Dichlorodifluoromethane                | $\text{CF}_2\text{Cl}_2$          | R-12                  | 2903.77.00                    | 75-71-8           |                                                             |
| 3.       | CFC-113                        |                             |                                                                      | 1,1,2-Trichloro-1,2,2-trifluoroethane  | $\text{C}_2\text{F}_3\text{Cl}_3$ | R-113                 | 2903.77.00                    | 76-13-1           |                                                             |
| 4.       | CFC-114                        |                             |                                                                      | 1,2-Dichloro-1,1,2,2-tetrafluoroethane | $\text{C}_2\text{F}_4\text{Cl}_2$ | R-114                 | 2903.77.00                    | 76-14-2           |                                                             |
| 5.       | CFC-115                        |                             |                                                                      | 1-chloro-1,1,2,2,2-pentafluoroethane   | $\text{C}_2\text{F}_5\text{Cl}$   | R-115                 | 2903.77.00                    | 76-15-3           |                                                             |
| 6.       | CFC-13                         |                             |                                                                      | Chloro(trifluoro)methane               | $\text{CF}_3\text{Cl}$            | R-13                  | 2903.77.00                    | 75-72-9           |                                                             |
| 7.       | CFC-111                        |                             |                                                                      | 1,1,1,2,2-Pentachloro-2-fluoroethane   | $\text{C}_2\text{FCl}_5$          | R-111                 | 2903.77.00                    | 354-56-3          |                                                             |

<sup>1</sup> Trường hợp có sự khác biệt, không thống nhất trong việc phân loại và xác định mã số hàng hóa đối với các hàng hóa thuộc Danh mục này, việc xác định mã số hàng hóa thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.

| TT  | Tên chất được kiểm soát | Hỗn hợp chất được kiểm soát | Thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc được sản xuất từ chất được kiểm soát | Mô tả chi tiết                 | Công thức hóa học                             | Số hiệu môi chất lạnh | Mã hàng hóa (HS) <sup>1</sup> | Mã hóa chất (CAS) | Ghi chú                                                     |
|-----|-------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------|
| 8.  | CFC-112                 |                             |                                                                      | Tetrachloro-1,2-difluoroethane | C <sub>2</sub> F <sub>2</sub> Cl <sub>4</sub> | R-112                 | 2903.77.00                    | 76-12-0           |                                                             |
| 9.  | CFC-211                 |                             |                                                                      | Heptachlorofluoropropane       | C <sub>3</sub> FC <sub>7</sub>                | R-211                 | 2903.77.00                    |                   |                                                             |
| 10. | CFC-212                 |                             |                                                                      | Hexachlorodifluoropropane      | C <sub>3</sub> F <sub>2</sub> Cl <sub>6</sub> | R-212                 | 2903.77.00                    |                   |                                                             |
| 11. | CFC-213                 |                             |                                                                      | Pentachlorotrifluoropropane    | C <sub>3</sub> F <sub>3</sub> Cl <sub>5</sub> | R-213                 | 2903.77.00                    |                   |                                                             |
| 12. | CFC-214                 |                             |                                                                      | Tetrachlorotetrafluoropropane  | C <sub>3</sub> F <sub>4</sub> Cl <sub>4</sub> | R-214                 | 2903.77.00                    |                   |                                                             |
| 13. | CFC-215                 |                             |                                                                      | Trichloropentafluoropropane    | C <sub>3</sub> F <sub>5</sub> Cl <sub>3</sub> | R-215                 | 2903.77.00                    |                   |                                                             |
| 14. | CFC-216                 |                             |                                                                      | Dichlorohexafluoropropane      | C <sub>3</sub> F <sub>6</sub> Cl <sub>2</sub> | R-216                 | 2903.77.00                    | 1652-80-8         |                                                             |
| 15. | CFC-217                 |                             |                                                                      | Chloroheptafluoropropane       | C <sub>3</sub> F <sub>7</sub> Cl              | R-217                 | 2903.77.00                    | 422-86-6          |                                                             |
| 16. | Carbon tetrachloride    |                             |                                                                      | Carbon tetrachloride           | CCl <sub>4</sub>                              | R-10                  | 2903.14.00                    | 56-23-5           |                                                             |
| 17. | Methyl chloroform       |                             |                                                                      | 1,1,1-trichloroethane          | C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> Cl <sub>3</sub> | R-140a                | 2903.19.20                    | 71-55-6           |                                                             |
| 18. | Halon-1011              |                             |                                                                      | Bromochloromethane             | CH <sub>2</sub> BrCl                          | R-1011                | 2903.78.00                    | 74-97-5           | Trừ trường hợp chất được tái chế đáp ứng yêu cầu chất lượng |
| 19. | Halon-1211              |                             |                                                                      | Bromochlorodifluoromethane     | CF <sub>2</sub> BrCl                          | R12B1                 | 2903.76.00                    | 353-59-3          |                                                             |

| TT        | Tên chất được kiểm soát                | Hỗn hợp chất được kiểm soát | Thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc được sản xuất từ chất được kiểm soát | Mô tả chi tiết                                                                                                                                                 | Công thức hóa học                             | Số hiệu môi chất lạnh | Mã hàng hóa (HS) <sup>1</sup> | Mã hóa chất (CAS) | Ghi chú                                                                                                                              |
|-----------|----------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20.       | Halon-1301                             |                             |                                                                      | Bromotrifluoromethane                                                                                                                                          | CF <sub>3</sub> Br                            | R13B1                 | 2903.76.00                    | 75-63-8           | phục vụ phòng cháy, chữa cháy trong lĩnh vực hàng không                                                                              |
| 21.       | Halon-2402                             |                             |                                                                      | 1,2-Dibromotetrafluoroethane                                                                                                                                   | C <sub>2</sub> F <sub>4</sub> Br <sub>2</sub> | R114B2                | 2903.76.00                    | 124-73-2          |                                                                                                                                      |
| 22.       | HCFC-141b                              |                             |                                                                      | Dichlorofluoroethanes                                                                                                                                          | CH <sub>3</sub> CFCl <sub>2</sub>             | R-141b                | 2903.73.00                    | 1717-00-6         |                                                                                                                                      |
| 23.       | HFC-23                                 |                             |                                                                      | Trifluoromethane (HFC-23) sử dụng trong phòng cháy chữa cháy                                                                                                   | CHF <sub>3</sub>                              | R-23                  | 2903.41.00                    | 75-46-7           |                                                                                                                                      |
| 24.       | HCFC-22                                |                             |                                                                      | Chlorodifluoromethane (HCFC-22) sử dụng trong sản xuất xốp XPS (extruded polystyrene)                                                                          | CHF <sub>2</sub> Cl                           | R-22                  | 2903.71.00                    | 75-45-6           |                                                                                                                                      |
| <b>B.</b> | <b>Hỗn hợp của chất được kiểm soát</b> |                             |                                                                      |                                                                                                                                                                |                                               |                       |                               |                   |                                                                                                                                      |
| 25.       |                                        | Hỗn hợp chất có chứa CFC    |                                                                      | Hỗn hợp chất có chứa chlorofluorocarbons (CFCs), chứa hoặc không chứa hydrochlorofluorocarbons (HCFCs), perfluorocarbons (PFCs) hoặc hydrofluorocarbons (HFCs) |                                               |                       | 3827.11                       |                   | Trừ trường hợp tồn tại trong thiết bị, sản phẩm dưới dạng tạp chất vết không thể loại bỏ trong quá trình sản xuất và thuộc đối tượng |
| 26.       |                                        | Hỗn hợp chất có chứa HBFC   |                                                                      | Hỗn hợp chất có chứa hydrobromofluorocarbons (HBFCs)                                                                                                           |                                               |                       | 3827.12                       |                   |                                                                                                                                      |

| TT        | Tên chất được kiểm soát                                                     | Hỗn hợp chất được kiểm soát            | Thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc được sản xuất từ chất được kiểm soát | Mô tả chi tiết                                                                                                                               | Công thức hóa học | Số hiệu môi chất lạnh | Mã hàng hóa (HS) <sup>1</sup> | Mã hóa chất (CAS) | Ghi chú                              |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------------------|-------------------|--------------------------------------|
| 27.       |                                                                             | Hỗn hợp chất có chứa CTC               |                                                                      | Hỗn hợp chất có chứa carbon tetrachloride (CTCs)                                                                                             |                   |                       | 3827.13                       |                   | miễn trừ theo Nghị định thư Montreal |
| 28.       |                                                                             | Hỗn hợp chất có chứa Methyl chloroform |                                                                      | Hỗn hợp chất có chứa 1,1,1-trichloroethane (methyl chloroform)                                                                               |                   |                       | 3827.14                       |                   |                                      |
| 29.       |                                                                             | Hỗn hợp chất có chứa Halon             |                                                                      | Hỗn hợp chất có chứa bromochlorodifluoromethane (Halon-1211), bromotrifluoromethane (Halon-1301) hoặc dibromotetrafluoroethanes (Halon-2402) |                   |                       | 3827.20                       |                   |                                      |
| 30.       |                                                                             | HCFC-141b trộn sẵn trong polyol        |                                                                      | Dichlorofluoroethanes (HCFC-141b) trộn sẵn trong polyol sử dụng trong sản xuất xốp cách nhiệt PU (Polyurethan)                               |                   |                       | 3827.32.00                    |                   |                                      |
| <b>C.</b> | <b>Thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc được sản xuất từ chất được kiểm soát</b> |                                        |                                                                      |                                                                                                                                              |                   |                       |                               |                   |                                      |
| 31.       |                                                                             |                                        | Máy điều hòa không khí sử dụng HCFC-22                               | - Loại thiết kế để lắp cửa sổ, tường, trần hoặc sàn, kiểu một khối (lắp liền trong cùng một vỏ, một cục) hoặc “hệ thống nhiều                |                   |                       |                               |                   |                                      |

| TT  | Tên chất được kiểm soát | Hỗn hợp chất được kiểm soát | Thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc được sản xuất từ chất được kiểm soát | Mô tả chi tiết                                                      | Công thức hóa học | Số hiệu môi chất lạnh | Mã hàng hóa (HS) <sup>1</sup> | Mã hóa chất (CAS) | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------------------|-------------------|---------|
|     |                         |                             |                                                                      | khối chức năng” (cục nóng, cục lạnh tách biệt)                      |                   |                       |                               |                   |         |
|     |                         |                             |                                                                      | -- Loại có công suất làm mát không quá 21,10 kW                     |                   |                       | 8415.10.20                    |                   |         |
|     |                         |                             |                                                                      | -- Loại có công suất làm mát trên 21,10 kW nhưng không quá 26,38 kW |                   |                       | 8415.10.30                    |                   |         |
|     |                         |                             |                                                                      | - Loại sử dụng cho người, trong xe có động cơ                       |                   |                       |                               |                   |         |
|     |                         |                             |                                                                      | -- Loại có công suất làm mát không quá 26,38 kW                     |                   |                       | 8415.20.10                    |                   |         |
| 32. |                         |                             | Thiết bị phòng cháy, chữa cháy sử dụng chất HFC-23                   | - Bình dập lửa, đã hoặc chưa nạp                                    |                   |                       |                               |                   |         |
|     |                         |                             |                                                                      | -- Loại khác                                                        |                   |                       | 8424.10.90                    |                   |         |

**LỘ TRÌNH QUẢN LÝ, LOẠI TRỪ CÁC CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT CÓ CHỨA TRONG THIẾT BỊ, SẢN PHẨM HOẶC CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT THIẾT BỊ, SẢN PHẨM THEO GIÁ TRỊ TIỀM NĂNG LÀM NÓNG LÊN TOÀN CẦU**

| STT | Thiết bị, sản phẩm                              | Thời điểm áp dụng giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu cao nhất của chất được kiểm soát đối với hoạt động sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm sử dụng chất được kiểm soát |       |       |      |
|-----|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|------|
|     |                                                 | 2029                                                                                                                                                                            | 2035  | 2040  | 2045 |
| 1   | Điều hòa không khí gia dụng                     | 750                                                                                                                                                                             | 750   | 750   | 150  |
| 2   | Bơm nhiệt sản xuất nước nóng                    | 1.500                                                                                                                                                                           | 1.500 | 750   | 150  |
| 3   | Máy sản xuất nước lạnh (chiller)                | 2.100 (đối với thiết bị sử dụng HFC)<br>1.800 (đối với thiết bị sử dụng HCFC)                                                                                                   | 1.500 | 750   | 150  |
| 4   | Điều hòa không khí nguyên cụm, đa cụm           | 750                                                                                                                                                                             | 750   | 750   | 150  |
| 5   | Thiết bị lạnh gia dụng được hàn kín tại nhà máy | 3                                                                                                                                                                               | 3     | 3     | 3    |
| 6   | Thiết bị lạnh thương mại                        | 1.800                                                                                                                                                                           | 1.500 | 750   | 150  |
| 7   | Thiết bị lạnh công nghiệp                       | 1.800                                                                                                                                                                           | 750   | 750   | 150  |
| 8   | Thiết bị lạnh vận tải                           | 2.100                                                                                                                                                                           | 1.500 | 750   | 150  |
| 9   | Điều hòa không khí di động                      | 1.500                                                                                                                                                                           | 750   | 750   | 3    |
| 10  | Thiết bị phòng cháy, chữa cháy                  | 4.000                                                                                                                                                                           | 4.000 | 4.000 | 3    |
| 11  | Xốp cách nhiệt                                  |                                                                                                                                                                                 |       |       | 150  |